

Bản tin

THỊ TRƯỜNG

NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số ra ngày 30/6/2020



BẢN TIN
THỊ TRƯỜNG
NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22205440;
Email:
linhntm@moit.gov.vn;
huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22192875;
Email:
tuoanhbta@gmail.com;
Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ
số điện thoại và email trên

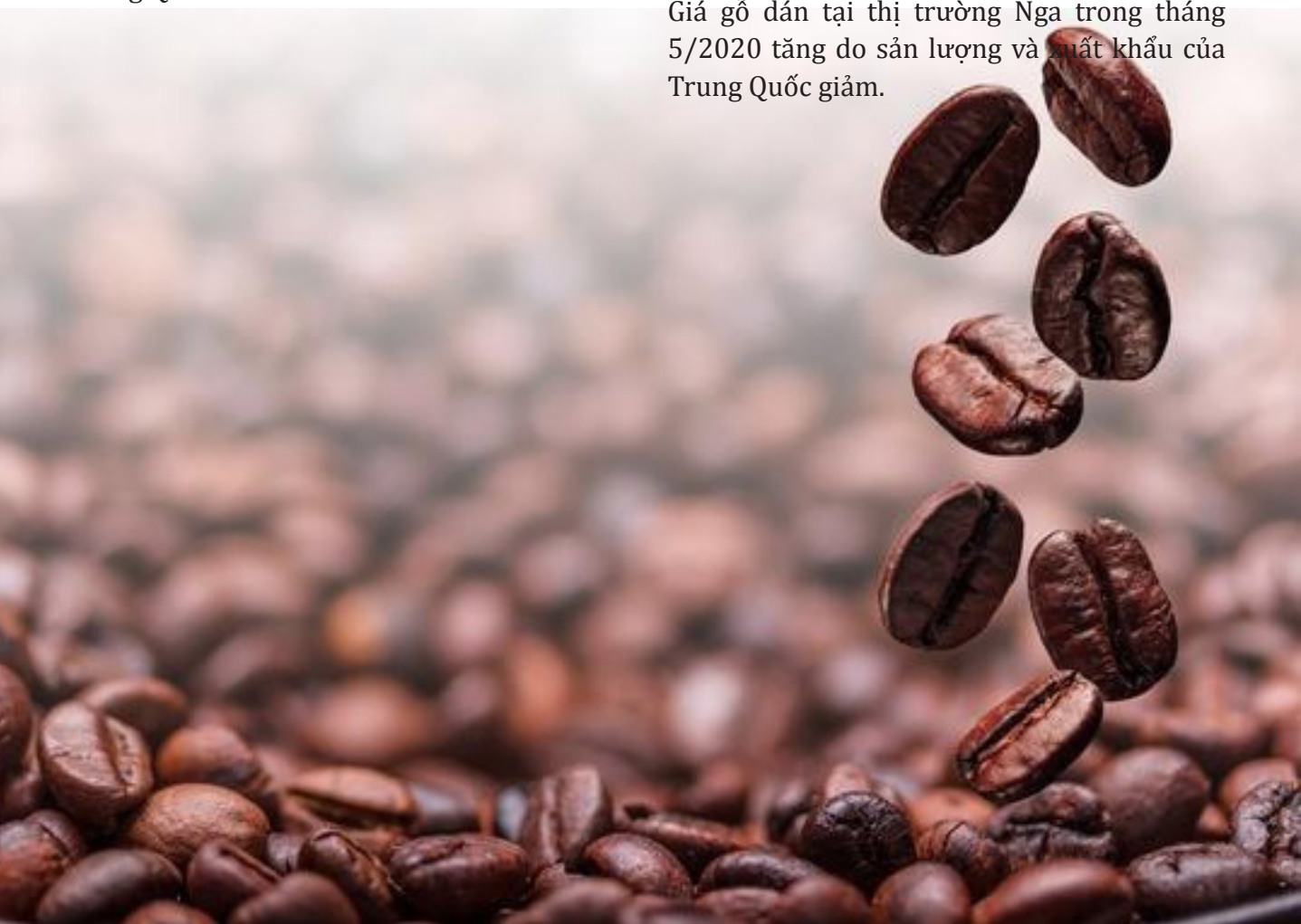
Giấy phép xuất bản số:
46/GP-XBBT ngày 20/8/2019

TÌNH HÌNH CHUNG	3
THỊ TRƯỜNG CAO SU	5
THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ	12
THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU	19
THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ	26
THỊ TRƯỜNG THỊT	30
THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN	33
THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ	39
THÔNG TIN CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ	43

TÌNH HÌNH CHUNG

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Cao su: Tháng 6/2020, giá cao su tại Tokyo và Thượng Hải giảm, trong khi giá tại Thái Lan tăng so với cuối tháng 5/2020.
- Cà phê: Tháng 6/2020, giá cà phê Robusta trên thị trường thế giới tăng so với cuối tháng 5/2020; giá cà phê Arabica trên sàn giao dịch New York tăng, tại sàn BMF giảm.
- Hạt tiêu: Tháng 6/2020, giá hạt tiêu ổn định tại Bra-xin, giảm tại Ma-lai-xi-a và Việt Nam, nhưng tăng tại Ấn Độ và In-đô-nê-xi-a.
- Rau quả: Xuất khẩu sầu riêng của Thái Lan tăng mạnh tới thị trường Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2020. Căm-pu-chia đã đạt thỏa thuận chính thức xuất khẩu xoài sang Trung Quốc.
- Thịt: Tháng 6/2020, giá lợn nạc tại Chicago, Hoa Kỳ có xu hướng giảm mạnh so với tháng 5/2020.
- Thủy sản: Các trại nuôi ấp tôm nước lợ, tôm đồng giống tại Đài Loan đã phát hiện có virus hồng thân (div1) trên tôm nuôi. Giá tôm ở Ê-cu-a-đo giảm do nhu cầu từ thị trường Trung Quốc ở mức thấp. Trong 5 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu tôm của Hôn-đu-rát giảm 7% do tác động của dịch Covid-19 và hạn hán năm 2019.
- Gỗ và sản phẩm gỗ: Bộ Thương mại Hoa Kỳ đã công bố quyết định sơ bộ trong cuộc điều tra về thuế đối kháng (CVD) đối với mặt hàng phào chỉ trang trí bằng gỗ và vật liệu xây dựng bằng gỗ nhập khẩu từ Trung Quốc. Giá gỗ dán tại thị trường Nga trong tháng 5/2020 tăng do sản lượng và xuất khẩu của Trung Quốc giảm.



THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

➤ Cao su: Giá mủ cao su nguyên liệu trong nước vẫn ở mức thấp. Xuất khẩu cao su tháng 6/2020 tăng mạnh so với tháng 5/2020 nhưng vẫn giảm so với tháng 6/2019. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hàn Quốc giảm.

➤ Cà phê: Tháng 6/2020, giá cà phê trong nước tiếp tục giảm theo thị trường thế giới, tuy nhiên tốc độ giảm đã chậm lại. Theo ước tính, xuất khẩu cà phê tháng 6/2020 tăng 7,5% về lượng và tăng 7,4% về trị giá so với tháng 5/2020. Thị phần cà phê Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Nga giảm.

➤ Hạt tiêu: Giá hạt tiêu tháng 6/2020 giảm trở lại sau khi chạm mức đỉnh 60.000 đ/kg vào ngày 29/5/2020. Xuất khẩu hạt tiêu tháng 6/2020 tiếp tục giảm mạnh. Thị phần hạt tiêu Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ 4 tháng đầu năm 2020 tăng so với cùng kỳ năm 2019.

➤ Rau quả: Thị phần chủng loại quả chuối của Việt Nam giảm trong tổng nhập khẩu của Hàn Quốc. Trong nửa đầu năm 2020, xuất

khẩu hàng rau quả ước đạt 1,8 tỷ USD, giảm 11,4% so với cùng kỳ năm 2019.

➤ Thịt: Trong tháng 6/2020, giá lợn trong nước có xu hướng giảm sau khi các doanh nghiệp được phép nhập khẩu lợn sống từ Thái Lan.

➤ Thủy sản: Ngày 25/6/2020, giá cá tra nguyên liệu tại tỉnh An Giang giảm 100 - 300 đ/kg so với ngày 18/6/2020; giá tôm nguyên liệu tại Cà Mau ổn định. Theo ước tính, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tháng 6/2020 đạt 155 nghìn tấn, trị giá 680 triệu USD, giảm 7,99% về lượng và giảm 5,2% về trị giá so với tháng 6/2019. Thị phần hầu hết các mặt hàng thủy sản chủ lực của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Tây Ban Nha vẫn ở mức thấp.

➤ Gỗ và sản phẩm gỗ: Thị phần của Việt Nam tăng trong tổng nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Ca-na-đa. Trong nửa đầu năm 2020, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước tính đạt 4,98 tỷ USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2019.



THỊ TRƯỜNG CAO SU

- ▶ Tháng 6/2020, giá cao su tại Tokyo và Thượng Hải giảm, trong khi giá tại Thái Lan tăng so với cuối tháng 5/2020.
- ▶ Giá mủ cao su nguyên liệu trong nước vẫn ở mức thấp.
- ▶ Xuất khẩu cao su tháng 6/2020 tăng mạnh so với tháng 5/2020 nhưng vẫn giảm so với tháng 6/2019.
- ▶ Thị phần cao su Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hàn Quốc giảm.



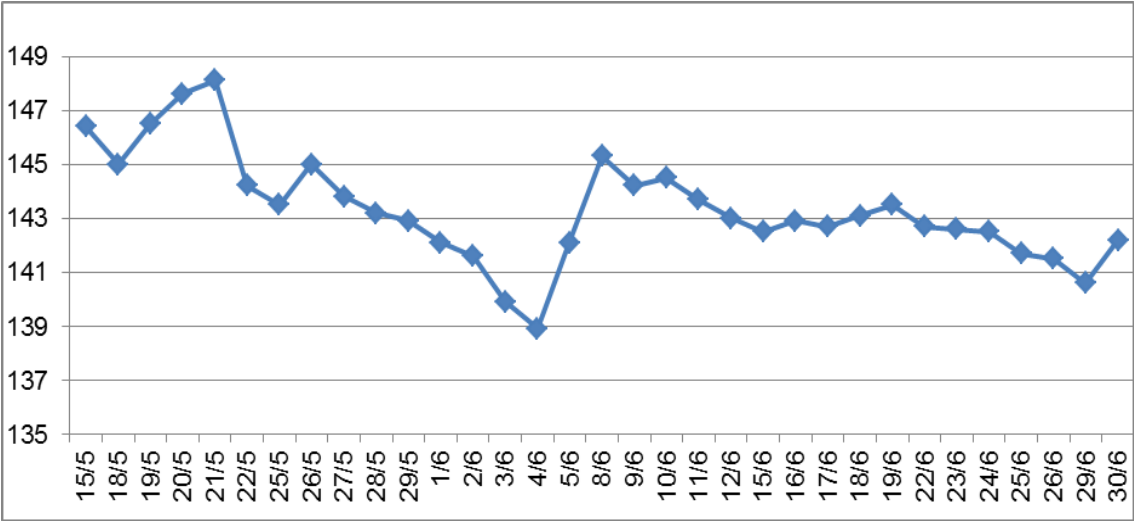
THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Tháng 6/2020, giá cao su tại Tokyo và Thượng Hải giảm, trong khi giá tại Thái Lan tăng so với cuối tháng 5/2020. Cụ thể:

+ Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo

(TOCOM), ngày 30/6/2020, giá cao su giao kỳ hạn tháng 7/2020 giao dịch ở mức 142,2 Yên/kg (tương đương 1,32 USD/kg), giảm 0,5% so với cuối tháng 5/2020 và giảm 39,4% so với cùng kỳ năm 2019.

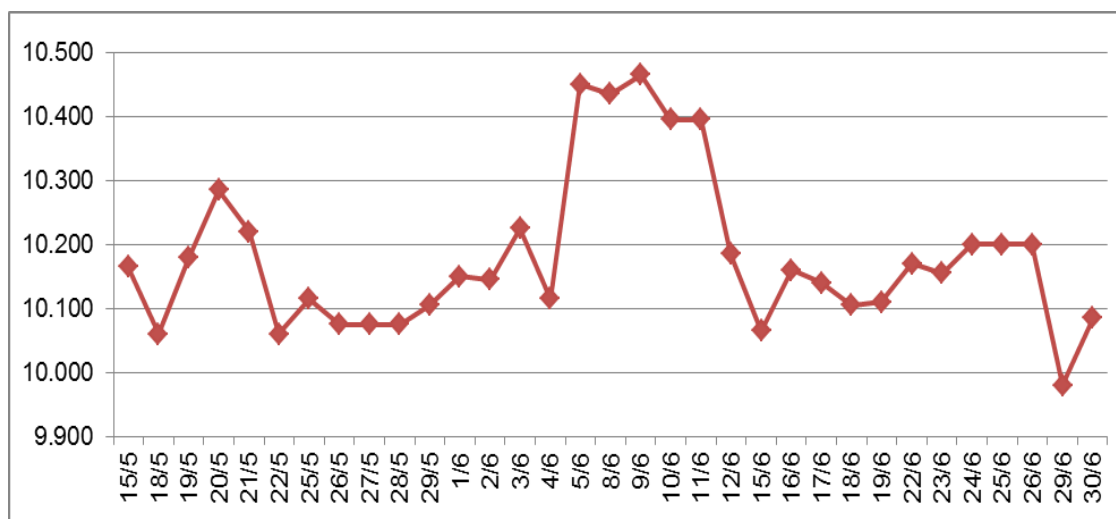
Diễn biến giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 7/2020 tại sàn Tocom trong tháng 6/2020
(ĐVT: Yên/kg)



Nguồn: Tocom.or.jp

+ Tại Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), ngày 30/6/2020, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 7/2020 giao dịch ở mức 10.085 NDT/tấn (tương đương 1,42 USD/kg), giảm 0,2% so với cuối tháng 5/2020 và giảm 10,3% so với cùng kỳ năm 2019.

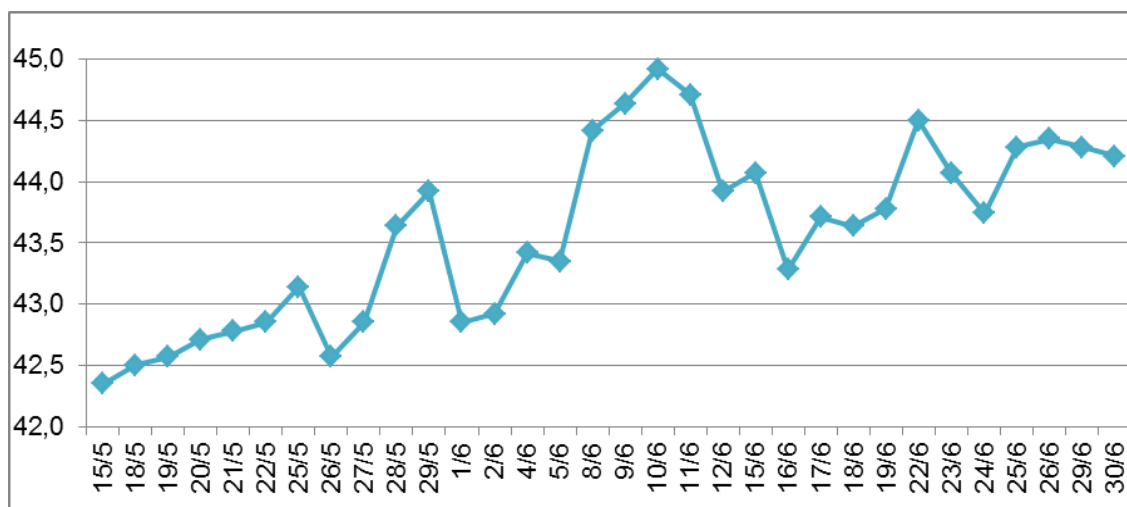
Diễn biến giá cao su giao kỳ hạn tháng 7/2020 tại sàn SHFE trong tháng 6/2020 (ĐVT: NDT/tấn)



Nguồn: shfe.com.cn

+ Tại Thái Lan, ngày 30/6/2020, giá cao su RSS 3 chào bán ở mức 44,21 Baht/kg (tương đương 1,43 USD/kg), tăng 0,7% so với cuối tháng 5/2020, nhưng giảm 28,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan trong tháng 6/2020 (ĐVT: Baht/kg)



Nguồn: thainr.com

Giá cao su tại Tokyo và Thượng Hải giảm do số ca nhiễm virus corona tại Hoa Kỳ và nhiều quốc gia tăng, trong khi Quỹ Tiền tệ Quốc tế hạ triển vọng kinh tế toàn cầu. Ngành sản xuất

lốp ô tô vẫn trong tình trạng khó khăn, trong khi nguồn cung cao su tại các quốc gia Đông Nam Á đang dồi dào.

- Ấn Độ: Theo Hiệp hội các nhà sản xuất lốp ô tô Ấn Độ (ATMA), sản xuất cao su nội địa của Ấn Độ chỉ đáp ứng được 60% nhu cầu trong nước. ATMA cho rằng giá cao su nội địa tại Ấn Độ luôn cao hơn giá thế giới 25% tại mọi thời điểm. Việc nhập khẩu sẽ giúp hạ giá thành cho nhiều ngành sản xuất trong nước.

- Bộ Thương mại Hoa Kỳ (USDC) đã mở cuộc điều tra về nhập khẩu lốp xe ô tô từ Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan và Việt Nam để xác định xem liệu lốp xe có được bán với giá thấp hơn giá hợp lý hay không, động thái này tiếp tục cản trở sự phục hồi của hoạt động chế biến cao su. Việc mở cuộc điều tra này nhằm đáp lại kiến nghị của Liên hiệp Công nhân các ngành Thép, Giấy, Cao su, Công nghiệp chế tạo, Năng lượng và Dịch vụ Bắc Mỹ (USW) đệ trình lên USDC hồi tháng 5/2020. Theo USW, dù nhu cầu đối với các phương tiện vận tải đang tăng lên, song các hãng sản xuất lốp cao su nội địa của Hoa Kỳ vẫn đang phải chống chọi với việc mất thị phần, lợi nhuận giảm và công nhân mất việc hàng loạt. Trước đó, năm 2015, USW cũng đã kiện Trung Quốc vì bán

phá giá các sản phẩm lốp xe vào thị trường Hoa Kỳ và thắng kiện, khiến kim ngạch nhập khẩu lốp xe từ Trung Quốc giảm mạnh, giúp cho ngành sản xuất nội địa Hoa Kỳ được bảo vệ. Theo USDC, trong năm 2019, kim ngạch nhập khẩu lốp xe của Hoa Kỳ đạt khoảng 4 tỷ USD, trong đó kim ngạch nhập khẩu từ Thái Lan chiếm tới gần 2 tỷ USD và khoảng 1,2 tỷ USD từ Hàn Quốc. Lượng lốp xe nhập khẩu từ 4 quốc gia châu Á trên đã tăng 20% so với năm 2017, lên 85,3 triệu lốp.

- Bộ Thương mại Trung Quốc cho biết sẽ mở rộng điều tra chống bán phá giá đối với loại cao su tổng hợp EPDM nhập khẩu từ Hoa Kỳ, Hàn Quốc và EU, sau khi các doanh nghiệp Trung Quốc sản xuất loại sản phẩm này kiến nghị cơ quan quản lý thương mại vào cuộc nhằm đảm bảo công bằng thương mại cho các doanh nghiệp nội địa. Cao su EPDM là một sản phẩm quan trọng được sử dụng rộng rãi trong việc sản xuất dây cáp và lốp xe hơi. Cuộc điều tra này dự kiến sẽ kéo dài khoảng 6 tháng, bắt đầu từ giữa tháng 6/2020 tới ngày 19/12/2020.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trong tháng 6/2020, giá mủ cao su nguyên liệu trong nước vẫn ở mức thấp, giá có xu hướng giảm. Ngày 30/6/2020 giá thu mua mủ nước của Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng ở mức 256 đồng/độ TSC, giảm 9

đồng/ độ TSC so với cuối tháng 5/2020; giá thu mua mủ tạp được giữ ở mức 222 đồng/ độ TSC, giảm 8 đồng/ độ TSC so với cuối tháng 5/2020.



TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM

Theo ước tính, xuất khẩu cao su của Việt Nam trong tháng 6/2020 đạt khoảng 110 nghìn tấn, trị giá 130 triệu USD, tăng 46,9% về lượng và tăng 44,5% về trị giá so với tháng 5/2020; so với tháng 6/2019 giảm 9,8% về lượng và giảm 25% về trị giá, giá xuất khẩu bình quân giảm 16,9% so với cùng kỳ năm 2019 xuống còn 1.182 USD/tấn. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cao su ước đạt 456 nghìn tấn, trị giá 606 triệu USD, giảm 25,7% về lượng và giảm 27,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019, giá xuất khẩu bình quân giảm 2,9% so với cùng kỳ năm 2019 xuống mức 1.330 USD/tấn.

Theo tính toán từ số liệu thống kê của

Tổng cục Hải quan, trong 5 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu các chủng loại cao su đều giảm so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, cao su tổng hợp vẫn là mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất, chiếm 58,7% tổng lượng cao su xuất khẩu của cả nước, với 202,89 nghìn tấn, trị giá 274,19 triệu USD, giảm 20,7% về lượng và 20,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 98,6% tổng lượng cao su tổng hợp xuất khẩu trong 5 tháng đầu năm 2020.

Xuất khẩu các chủng loại cao su khác cũng giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2019 như: Latex, SVR 3L, SVR 10, SVR CV60, RSS3, SVR 20, RSS1, cao su tái sinh, cao su hỗn hợp...

Chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2020

Chủng loại	Tháng 5/2020		So với tháng 5/2019 (%)		5 tháng năm 2020		So với 5 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Cao su tổng hợp	50.019	60.535	110,8	77,4	202.898	274.196	-20,7	-20,8
Latex	8.440	7.694	96,7	66,4	24.093	23.570	-27,4	-25,9
SVR 3L	4.775	6.449	-55,1	-60,1	40.113	61.300	-37,2	-33,1
SVR 10	4.245	5.153	-83,4	-85,9	26.281	36.061	-57,3	-57,3
SVR CV60	2.856	4.223	-37,8	-41,6	18.608	29.860	-35,2	-30,4
RSS3	1.368	1.878	-54,1	-59	13.862	21.600	-37,8	-33,7
SVR CV50	1.040	1.528	-5,5	-13,9	6.452	10.461	-1,8	4,8
Cao su dạng Crếp	501	291			887	570		
Cao su tái sinh	387	281	-18,7	1,2	1.893	1.453	-18,3	18,3
SVR 20	300	340	-76	-80,9	3.910	5.219	-44,5	-46,2
RSS1	268	384	-63,3	-67,1	1.939	3.112	-43	-41,6
Cao su hỗn hợp	164	599	-90,1	-78,9	1.582	3.550	-73,3	-65,2
SVR 5	141	180	-47,2	-56,1	971	1.480	-16,1	-16,3
SVR CV40	60	92			101	161	0	7,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về giá xuất khẩu: Nhìn chung trong 5 tháng đầu năm 2020, giá xuất khẩu bình quân phần lớn các chủng loại cao su đều có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2019, trừ cao su tổng hợp, SVR 20 và SVR 5 có giá xuất khẩu giảm. Cụ thể giá xuất khẩu Latex tăng 2,1%; SVR 3L tăng 6,5%, SVR CV60 tăng 7,6%; RSS3 tăng 6,6%...

Giá xuất khẩu bình quân một số chủng loại cao su trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2020					
Chủng loại	Tháng 5/2020 (USD/tấn)	So với tháng 4/2020 (%)	So với tháng 5/2019 (%)	5 tháng năm 2020 (USD/tấn)	So với 5 tháng năm 2019 (%)
Cao su tổng hợp	1.210	-2,7	-15,9	1.351	-0,1
Latex	912	-1,7	-15,4	978	2,1
SVR 3L	1.351	-7,3	-11,2	1.528	6,5
SVR 10	1.214	-4,9	-15,0	1.372	0,0
SVR CV60	1.479	-6,0	-6,2	1.605	7,6
RSS3	1.373	-9,1	-10,7	1.558	6,6
SVR CV50	1.470	-5,5	-8,8	1.621	6,6
Cao su dạng Crếp	581	-19,5		642	
Cao su tái sinh	727	-10,9	24,5	768	44,9
SVR 20	1.135	-5,6	-20,2	1.335	-3,0
RSS1	1.434	-8,5	-10,3	1.605	2,4
Cao su hỗn hợp	3.655	12,8	112,4	2.244	30,3
SVR 5	1.275	-8,6	-16,9	1.524	-0,1
SVR CV40	1.529			1.597	7,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CAO SU CỦA HÀN QUỐC TRONG 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Hàn Quốc, 5 tháng đầu năm 2020, Hàn Quốc nhập khẩu 180,64 nghìn tấn cao su (mã HS: 4001, 4002, 4003, 4005), trị giá 332,47 triệu USD, giảm 11,8% về lượng và giảm 13,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan và Việt Nam là 3 thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho Hàn Quốc. Trong 5 tháng đầu năm 2020, Hàn Quốc giảm nhập khẩu cao su từ các thị trường chủ chốt như In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Việt Nam, Nhật Bản, Xin-ga-po...; Trong khi, tăng nhập khẩu cao su từ một số thị trường như: Đức, Cộng hòa Séc, Mi-an-ma...



5 tháng đầu năm 2020, Hàn Quốc nhập khẩu từ Việt Nam 12,89 nghìn tấn cao su, trị giá 20,16 triệu USD, giảm 17,7% về lượng và giảm 11,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hàn Quốc chiếm 7,1%, giảm so với mức 7,7% của 5 tháng đầu năm 2019.

Thị trường cung cấp cao su cho Hàn Quốc trong 5 tháng đầu năm 2020
(mã HS: 4001, 4002, 4003, 4005)

Thị Trường	5 tháng năm 2020		So với 5 tháng năm 2019 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	5 tháng năm 2019	5 tháng năm 2020
Tổng	180.642	332.474	-11,8	-13,8	100	100
In-đô-nê-xi-a	50.492	71.726	-9,3	-6,0	27,2	28,0
Thái Lan	38.993	56.210	-11,9	-9,9	21,6	21,6
Việt Nam	12.894	20.164	-17,7	-11,2	7,7	7,1
Trung Quốc	12.620	18.633	-4,4	-3,8	6,4	7,0
Nhật Bản	9.396	43.758	-39,7	-26,2	7,6	5,2
Hoa Kỳ	9.008	31.514	-16,7	-25,7	5,3	5,0
Đức	8.554	20.516	3,6	-2,3	4,0	4,7
Xin-ga-po	7.385	17.608	-29,6	-32,3	5,1	4,1
Cộng hòa Séc	7.278	9.225	224,6	198,8	1,1	4,0
Nga	5.200	8.256	-3,9	-15,5	2,6	2,9
Thị trường khác	18.823	34.864	-18,9	-20,0	11,3	10,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Hải quan Hàn Quốc





Về chủng loại nhập khẩu:

Trong 5 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu cao su tự nhiên (mã HS: 4001) của Hàn Quốc đạt 109,27 nghìn tấn, trị giá 159,72 triệu USD, giảm 11,4% về lượng và giảm 7,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Việt Nam, Mi-an-ma và Ma-lai-xi-a là

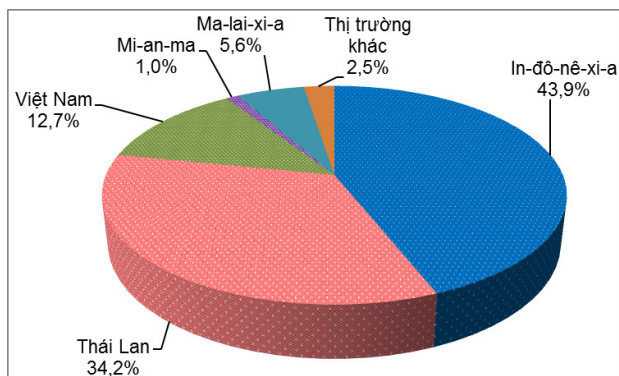
5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su tự nhiên cho Hàn Quốc trong 5 tháng đầu năm 2020.

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tự nhiên cho Hàn Quốc trong 5 tháng đầu năm 2020 có sự thay đổi khi thị phần cao su của Việt Nam, Ma-lai-xi-a giảm, trong khi thị phần của In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Mi-an-ma tăng.

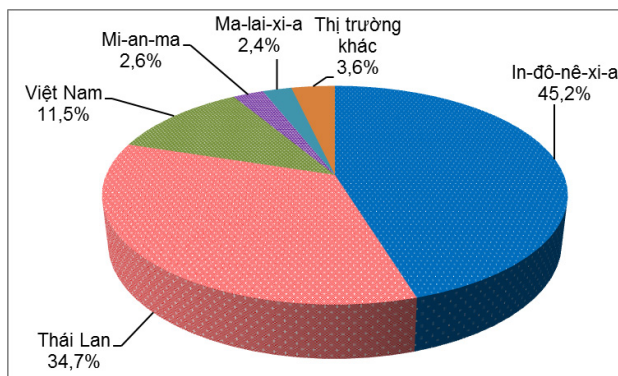
Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tự nhiên (mã HS: 4001) cho Hàn Quốc

(ĐVT: % tính theo lượng)

5 tháng đầu năm 2019



5 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Hải quan Hàn Quốc

Trong 5 tháng đầu năm 2020, Hàn Quốc nhập khẩu 63,09 nghìn tấn cao su tổng hợp (mã HS: 4002), trị giá 155,51 triệu USD, giảm 10,6% về lượng và giảm 19,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc, Nhật Bản, Đức, Hoa Kỳ và Xin-ga-po là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su tổng hợp cho Hàn Quốc trong 5 tháng đầu năm 2020.

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tổng hợp cho Hàn Quốc trong 5 tháng đầu năm 2020 có sự thay đổi khi thị phần cao su tổng hợp của Nhật Bản, xi-ga-po, Hoa Kỳ trong tổng nhập khẩu của Hàn Quốc giảm mạnh; tuy nhiên thị phần của Đức, Trung Quốc lại tăng mạnh. Trong khi đó, cao su tổng hợp Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hàn Quốc mới chỉ chiếm một lượng nhỏ.

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

- ▶ Tháng 6/2020, giá cà phê Robusta trên thị trường thế giới tăng so với cuối tháng 5/2020; giá cà phê Arabia trên sàn giao dịch New York tăng, tại sàn BMF giảm.
- ▶ Tháng 6/2020, giá cà phê trong nước tiếp tục giảm theo thị trường thế giới, tuy nhiên tốc độ giảm đã chậm lại.
- ▶ Theo ước tính, xuất khẩu cà phê tháng 6/2020 tăng 7,5% về lượng và tăng 7,4% về trị giá so với tháng 5/2020.
- ▶ Thị phần cà phê Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Nga giảm.

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Tháng 6/2020, giá cà phê Robusta trên thị trường thế giới tăng so với cuối tháng 5/2020, tuy nhiên xu hướng tăng sẽ chỉ diễn ra trong ngắn hạn; giá cà phê Arabica biến động không đồng nhất, tăng trên sàn giao dịch New York nhưng giảm trên sàn BMF của Bra-xin.

Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) điều chỉnh mức dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm 3% trong năm 2020. Trong khi đó, Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) nhận định, nếu GDP toàn cầu giảm 1% sẽ khiến tiêu thụ cà phê giảm 0,95%. Nhu cầu tiêu thụ yếu còn do căng thẳng thương mại giữa Hoa Kỳ - Trung Quốc; giữa Hoa Kỳ - EU khiến sức mua trên thị trường hàng hóa nông sản thấp. Mối lo làn sóng dịch Covid-19 lần 2 ngày càng gia tăng đã tác động tiêu cực lên thị trường cà phê.

Đồng Real Bra-xin giảm mạnh có lợi cho người trồng cà phê Bra-xin. Trong khi đó, Bra-xin đang trong vụ thu hoạch cà phê Robusta với dự báo được mùa và In-đô-nê-xi-a bắt đầu tham gia thị trường.

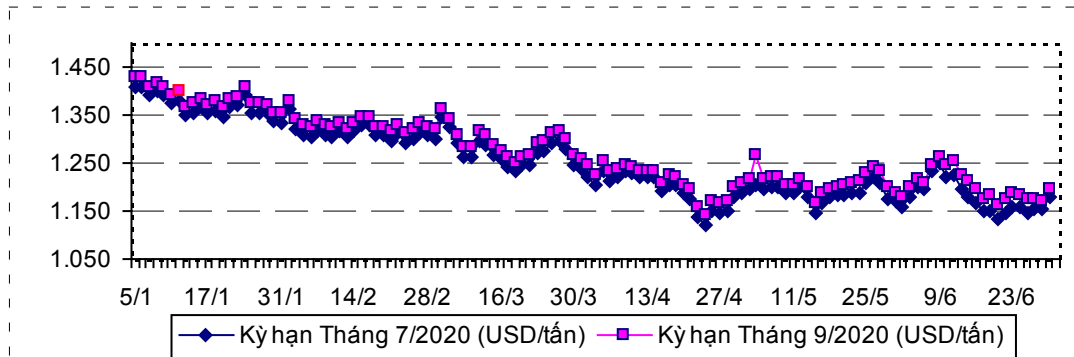
Theo Cơ quan Phát triển Cà phê U-gan-đa (UCDA), xuất khẩu cà phê của nước này trong tháng 5/2020 đạt 437.597 bao, tăng 26,6% so với tháng 5/2019. Trong đó, xuất khẩu cà phê Robusta tăng 35,8%, đạt 340.830 bao; cà phê Arabica tăng 2%, đạt 96.767 bao. Tính chung 8 tháng niên vụ 2019/20, xuất khẩu cà phê



của U-gan-đa tăng 21% so với cùng kỳ niên vụ 2018/19, đạt 3,37 triệu bao.

+ Trên sàn giao dịch London, ngày 30/6/2020, giá cà phê Robusta giao kỳ hạn tháng 7/2020 và tháng 9/2020 tăng lần lượt 0,8% và 0,6% so với ngày 30/5/2020, lên mức 1.178 USD/tấn và 1.192 USD/tấn. Đối với kỳ hạn giao tháng 11/2020 và tháng 1/2021, giá cà phê Robusta tăng lần lượt 0,4% và 0,2% so với ngày 30/5/2020, lên mức 1.214 USD/tấn và 1.229 USD/tấn.

Diễn biến giá cà phê Robusta giao kỳ hạn năm 2020

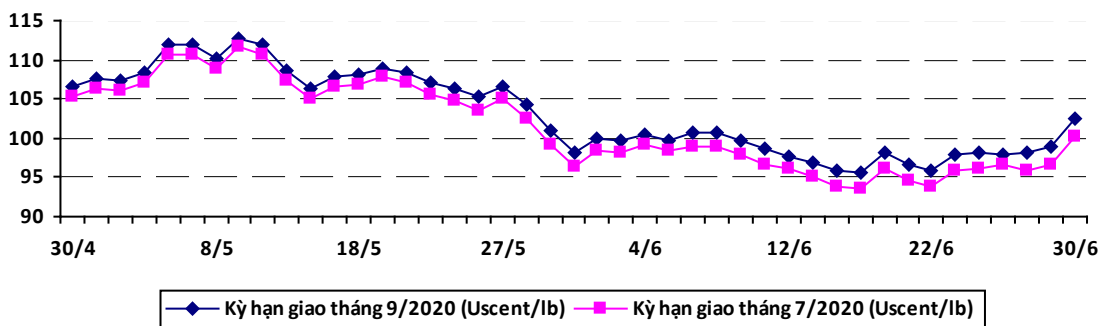


Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch New York, ngày 30/6/2020 giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 7/2020 và tháng 9/2020 tăng lần lượt 3,9% và 4,4% so với ngày 30/5/2020, lên

mức 100,1 Uscent/lb và 102,5 Uscent/lb. Đối với kỳ hạn giao tháng 12/2020, giá cà phê Arabica tăng 3,7% so với ngày 30/5/2020, lên mức 104,3 Uscent/lb.

Diễn biến giá cà phê Arabica trên sàn giao dịch New York từ cuối tháng 4/2020 đến nay



Nguồn: Sàn giao dịch London

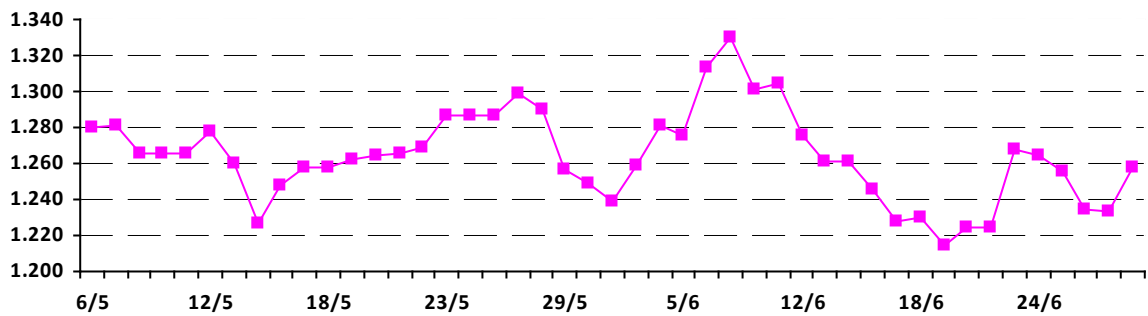
+ Trên sàn giao dịch BMF của Bra-xin, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn giảm mạnh. Cụ thể, ngày 30/6/2020, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 7/2020 và tháng 9/2020 giảm lần lượt 11% và 5,6% so với ngày 30/5/2020, xuống còn 108 Uscent/lb và 108,8 Uscent/lb. Đối với kỳ hạn giao tháng 12/2020 và

tháng 3/2021, giá cà phê Arabica giảm 4,2% và 5,7% so với ngày 30/5/2020, xuống còn 112,15 Uscent/lb và 116,3 Uscent/lb.

+ Tại cảng khu vực thành phố Hồ Chí Minh, cà phê Robusta xuất khẩu loại 2, tỷ lệ đen vỡ 5% giao dịch ở mức giá 1.258 USD/tấn, tăng 0,7% so với ngày 30/5/2020.



Diễn biến giá cà phê Robusta xuất khẩu tại cảng khu vực TP.HCM đầu tháng 5/2020 đến nay
(ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: <https://giacaphe.com>

Dự báo sức ép lên giá cà phê toàn cầu vẫn sẽ còn kéo dài cho tới khi Bra-xin bước vào giai đoạn cuối của vụ thu hoạch năm nay.

TRONG NƯỚC: TỐC ĐỘ GIẢM GIÁ CÀ PHÊ CHẬM LẠI

Hiện giá cà phê trong nước giảm xuống mức thấp, người dân không muốn bán ra dẫn đến thương nhân và nhà xuất khẩu gặp khó khăn trong việc thu mua cà phê để xuất khẩu.

Tháng 6/2020, giá cà phê trong nước tiếp tục giảm theo thị trường thế giới, tuy nhiên tốc độ giảm đã chậm lại. Ngày 30/6/2020, giá cà phê thị trường nội địa giảm thấp nhất là

0,3% tại các huyện Eo H’leo và Buôn Hồ tỉnh Đắk Lắk, xuống mức 31.000 đồng/kg – mức giảm cao nhất là 1,6% tại huyện Đắk Hà tỉnh Kon Tum, xuống mức 30.700 đồng/kg. Tại tỉnh Lâm Đồng, giá cà phê giảm 1,0%, xuống còn 30.300 – 30.400 đồng/kg. Tại cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, cà phê Robusta loại R1 giảm 0,3% so với ngày 30/5/2020, xuống mức 32.500 đồng/kg.

Giá cà phê tại một số tỉnh/huyện khu vực khảo sát ngày 30/6/2020

Tỉnh/huyện (khu vực khảo sát)	Đơn giá (đồng/kg)	So với ngày 30/5/2020 (%)
Tỉnh Lâm Đồng		
Lâm Hà (Robusta)	30.400	-1,0
Bảo Lộc (Robusta)	30.400	-1,0
Di Linh (Robusta)	30.300	-1,0
Tỉnh Đắk Lắk		
Cư M’gar (Robusta)	31.100	-0,6
Ea H’leo (Robusta)	31.000	-0,3
Buôn Hồ (Robusta)	31.000	-0,3
Tỉnh Gia Lai		
Pleiku (Robusta)	30.800	-0,6
Chư Prông (Robusta)	30.700	-0,6
la Grai (Robusta)	30.800	-0,6
Tỉnh Đắk Nông		

Tỉnh/huyện (khu vực khảo sát)	Đơn giá (đồng/kg)	So với ngày 30/5/2020 (%)
Gia Nghĩa (Robusta)	30.800	-0,6
Đắk R'lấp (Robusta)	30.700	-0,6
Tỉnh Kon Tum		
Đắk Hà (Robusta)	30.700	-1,6
Thành phố Hồ Chí Minh		
R1	32.500	-0,3

Nguồn: Tintaynguyen.com

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ THÁNG 6/2020 TĂNG

Theo ước tính, xuất khẩu cà phê tháng 6/2020 đạt 140 nghìn tấn, trị giá 237 triệu USD, tăng 7,5% về lượng và tăng 7,4% về trị giá so với tháng 5/2020, so với tháng 6/2019 giảm 3% về lượng và giảm 1,9% về trị giá. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cà phê ước đạt 955 nghìn tấn, trị giá 1,609 tỷ USD, tăng 3,7% về lượng và tăng 2,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Giá xuất khẩu bình quân cà phê tháng 6/2020 ước đạt 1.693 USD/tấn, giảm 0,02% so với tháng 5/2020 nhưng tăng 1,1% so với tháng 6/2019. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, giá xuất khẩu bình quân cà phê đạt khoảng 1.685 USD/tấn, giảm 1,2% so với cùng kỳ năm 2019.

Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê Robusta trong tháng 5/2020 đạt 109,5 nghìn tấn, trị giá 158,12 triệu USD, giảm 14,5% về lượng và giảm 14,4% về trị giá so với tháng 5/2019. Tuy nhiên, 5 tháng đầu năm 2020 xuất khẩu

cà phê Robusta tăng 4,9% về lượng và tăng 1,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019, đạt 694,6 nghìn tấn, trị giá 1,029 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu cà phê Robusta sang nhiều thị trường tăng, gồm: Đức, Nhật Bản, An-giê-ri, Bỉ, Hàn Quốc, Thái Lan, Úc. Ngược lại, xuất khẩu cà phê Robusta sang các thị trường giảm, như: Ý, Tây Ban Nha, Hoa Kỳ, Nga, Ma-lai-xi-a, Anh, Pháp.

Giá xuất khẩu bình quân cà phê Robusta tháng 5/2020 đạt 1.444 USD/tấn, tăng 0,04% so với tháng 5/2019. Trong 5 tháng đầu năm 2020, giá xuất khẩu bình quân cà phê Robusta đạt mức 1.482 USD/tấn, giảm 2,9% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá xuất khẩu bình quân cà phê sang thị trường Đức đạt 1.456 USD/tấn; Ý đạt 1.551 USD/tấn; Tây Ban Nha đạt 1.479 USD/tấn; Nhật Bản đạt 1.526 USD/tấn. Đáng chú ý, giá xuất khẩu bình quân cà phê Robusta sang thị trường Hoa Kỳ tăng 0,1%, lên mức 1.462 USD/tấn; Ấn Độ tăng 0,2%, lên 1.364 USD/tấn; Ai Cập tăng 0,7%, lên mức 1.592 USD/tấn.

Chủng loại cà phê xuất khẩu trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2020

Chủng loại	Tháng 5/2020		So với tháng 5/2019 (%)		5 tháng năm 2020		So với 5 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Robusta	109.472	158.122	-14,5	-14,4	694.559	1.028.998	4,9	1,9
Arabica	6.719	15.103	33,0	57,9	43.904	102.985	34,0	52,0
Cà phê Excelsa	403	672	-37,3	-31,1	905	1.575	-75,9	-73,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ NGA TRONG 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo tính toán từ số liệu của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu cà phê của Nga trong 4 tháng đầu năm 2020 đạt 75,91 nghìn tấn, trị giá 211,07 triệu USD, tăng 3,2% về lượng và tăng 1,8% trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

4 tháng đầu năm 2020, Nga tăng nhập khẩu tất cả các chủng loại cà phê. Trong đó, Nga nhập khẩu chủ yếu chủng loại cà phê Robusta hoặc Arabica chưa rang, chưa khử chất caffein (mã HS 090111), lượng đạt 65,4 nghìn tấn, trị giá 138,24 triệu USD, tăng 2,7% về lượng và tăng 0,3% về trị giá so với 4 tháng đầu năm 2019. Nhập khẩu chủng loại cà phê rang, chưa khử chất caffein (HS 090121) tăng 5,8% về lượng và tăng 4,6% về trị giá, đạt 10,3 nghìn tấn, trị giá 71,64 triệu USD.

Dịch Covid-19 khiến sức tiêu thụ cà phê tại nhà của người dân Nga tăng. Loại cà phê mà người tiêu dùng Nga ưa thích là cà phê hòa tan. Trong phân khúc cà phê hòa tan, Nga đứng thứ 3 trên thế giới về sức tiêu thụ bình quân đầu người sau Hoa Kỳ và Anh. Mặc dù vậy, người dân Nga có xu hướng chuyển dần sang tiêu thụ cà phê rang (bột và hạt). Cơ cấu bán lẻ các sản phẩm cà phê tại Nga như sau: cà phê hòa tan chiếm tỷ trọng 38,7%; cà phê hỗn hợp, cô đặc và các loại nước uống cà phê khác chiếm tỷ trọng 47,1%; cà phê nguyên chất chiếm tỷ trọng 14,2%.

Nga được coi là thị trường xuất khẩu tiềm

năng lớn đối với ngành cà phê toàn cầu. Cà phê không được trồng tại Nga nên nguồn cung phụ thuộc vào nhập khẩu. Hiện tại các công ty chính tham gia vào thị trường Nga là: Nestle Russia LLC, Kraft Foods Rus LLC và Chibo LLC. Đây là 3 công ty hàng đầu trên thị trường cà phê hòa tan tại Nga với thị phần trên 50%.

Đối với phân khúc cà phê hạt, hơn 60% của thị trường được cung cấp bởi các công ty: GC “Orimi trade”, JSC “Moscow cofenia na paykh, LLC “Grand “ và LLC” Paulig Rus”.

Hiện nay, thị trường cà phê Nga rất cạnh tranh, quá trình hợp nhất và mua bán đang diễn ra mạnh mẽ. Tập đoàn Strauss của I-xra-en tham gia vào thị trường cà phê bằng cách mua lại các công ty của Nga. Trong số các thương hiệu được mua lại có Ambassador, Kaffa, Le Cafe và Black Card.

Theo dự báo của Hiệp hội chè cà phê Nga (Roschaicofe), thị trường cà phê nội địa trong dài hạn sẽ chỉ có 5-6 công ty tham gia và phần lớn sẽ là công ty xuyên quốc gia, và số thương hiệu sẽ giảm 2-3 lần do sự hợp nhất thị trường. Các công ty hàng đầu trên thị trường sẽ là những công ty tích cực tiến hành chiến dịch quảng cáo, và những công ty tăng vốn và có vốn lớn bao gồm cả thông qua các quá trình hợp nhất. Phân khúc cà phê rang tự nhiên được trông đợi là sẽ có thêm các công ty nước ngoài tham dự.

Chủng loại cà phê nhập khẩu của Nga trong 4 tháng đầu năm 2020

Mã HS	4 tháng năm 2020			So với 4 tháng năm 2019 (%)		
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá NKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá NKBQ
090111	65.397	138.239	2.114	2,7	0,3	-2,3
090121	10.265	71.635	6.979	5,8	4,6	-1,1
090190	161	230	1.427	55,4	50,3	-3,3
090122	75	904	12.075	7,3	-5,4	-11,9
090112	13	69	5.353	22,1	23,2	0,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của ITC

Giá nhập khẩu bình quân cà phê của Nga trong 4 tháng đầu năm 2020 đạt mức 2.781 USD/tấn, giảm 1,4% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Nga từ Việt Nam đạt 1.694 USD/tấn, giảm 5,9%; Bra-xin đạt 2.291 USD/tấn, giảm

2,6%. Ngược lại, giá nhập khẩu bình quân cà phê của Nga từ một số nguồn cung tăng, gồm: Cô-lôm-bia tăng 6,7%, lên 3.536 USD/tấn; Ho-đu-rát tăng 4,7%, lên mức 2.857 USD/tấn; Ê-ti-ô-pi-a tăng 8,2%, lên mức 3.396 USD/tấn.

10 nguồn cung cà phê lớn nhất vào Nga trong 4 tháng đầu năm 2020

Thị trường	4 tháng năm 2020			So với 4 tháng năm 2019 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá XKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ
Tổng	75.911	211.075	2.781	3,2	1,8	-1,4
Việt Nam	29.182	49.442	1.694	-11,3	-16,5	-5,9
Bra-xin	20.524	47.030	2.291	41,1	37,4	-2,6
Ý	5.091	33.882	6.656	3,8	0,0	-3,6
In-đô-nê-xi-a	3.746	7.320	1.954	10,3	4,6	-5,2
Cô-lôm-bi-a	2.395	8.467	3.536	-18,5	-13,0	6,7
Đức	2.061	12.532	6.081	10,5	2,5	-7,3
Hôn-đu-rát	1.976	5.647	2.857	-4,2	0,2	4,7
Ấn Độ	1.333	2.814	2.112	51,3	26,4	-16,5
U-ga-đa	1.170	2.385	2.039	18,9	9,0	-8,3
Ê-ti-ô-pi-a	982	3.336	3.396	-34,6	-29,2	8,2
Thị trường khác	7.452	38.220	5.129	-1,4	5,1	6,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của ITC





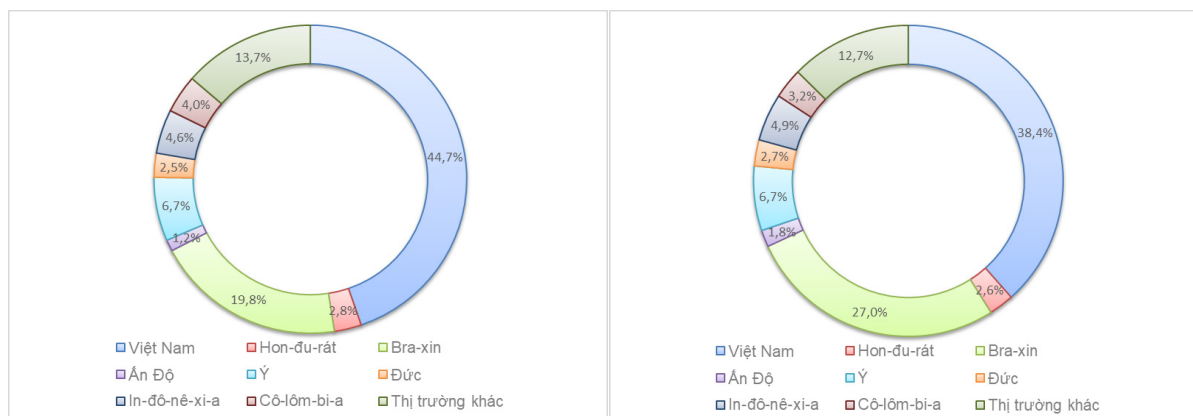
Việt Nam và Bra-xin là hai thị trường cung cấp cà phê quan trọng nhất của Nga. Trong 4 tháng đầu năm 2020, Nga giảm nhập khẩu cà phê từ thị trường Việt Nam, nhưng tăng nhập khẩu từ Bra-xin. Dịch Covid-19 là nguyên nhân khiến nhập khẩu cà phê của Nga từ Việt Nam giảm. Tháng 4/2020 là thời điểm Việt Nam thực hiện giãn cách xã hội nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch Covid-19 khiến hoạt động sản xuất, xuất khẩu chậm lại. Bên cạnh đó, thị hiếu tiêu dùng cà phê của người dân Nga chuyển từ cà phê dạng bột giá rẻ sang cà phê chất lượng cao hơn cũng tác động đến cơ cấu chủng loại nhập khẩu mặt hàng này.

Theo ITC, nhập khẩu cà phê của Nga từ

Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2020 đạt 29,2 nghìn tấn, trị giá 49,44 triệu USD, giảm 11,3% về lượng và giảm 16,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Nga chiếm 38,4% trong 4 tháng đầu năm 2020, giảm so với 44,7% trong 4 tháng đầu năm 2019.

Nhập khẩu cà phê của Nga từ Bra-xin trong 4 tháng đầu năm 2020 đạt 20,5 nghìn tấn, trị giá 47,03 triệu USD, tăng 41,1% về lượng và tăng 37,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần cà phê của Bra-xin trong tổng lượng nhập khẩu của Nga chiếm 27% trong 4 tháng đầu năm 2020, tăng mạnh so với 19,8% trong 4 tháng đầu năm 2019.

Cơ cấu nguồn cung cà phê vào Nga (% tính theo lượng)
4 tháng đầu năm 2019 **4 tháng đầu năm 2020**



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của ITC

THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU

- ▶ Tháng 6/2020, giá hạt tiêu ổn định tại Bra-xin, giảm tại Ma-lai-xi-a và Việt Nam, nhưng tăng tại Ấn Độ và In-đô-nê-xi-a.
- ▶ Giá hạt tiêu tháng 6/2020 giảm trở lại sau khi chạm mức đỉnh 60.000 đồng/kg vào ngày 29/5/2020.
- ▶ Xuất khẩu hạt tiêu tháng 6/2020 tiếp tục giảm mạnh.
- ▶ Thị phần hạt tiêu Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ 4 tháng đầu năm 2020 tăng so với cùng kỳ năm 2019.

THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU THẾ GIỚI

Tháng 6/2020, giá hạt tiêu ổn định tại Bra-xin, giảm tại Ma-lai-xi-a và Việt Nam, nhưng tăng tại Ấn Độ và In-đô-nê-xi-a. Cụ thể:

+ Tại Bra-xin, giá hạt tiêu đen xuất khẩu Bra-xin ổn định mức 2.000 USD/tấn, thị trường hầu như không có giao dịch.

+ Tại cảng Kuching của Ma-lai-xi-a, ngày 30/6/2020 giá hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng xuất khẩu giảm lần lượt 7,2% và 7,7% so với ngày 30/5/2020, xuống còn 3.420 USD/tấn và 4.870 USD/tấn.

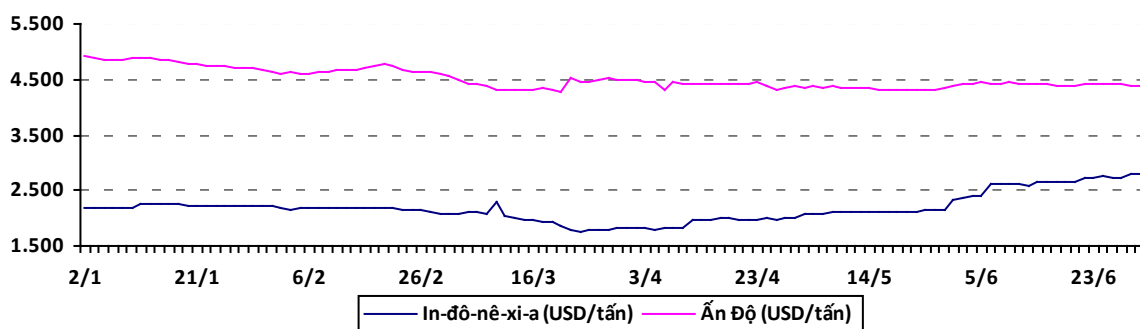
+ Tại cảng Lampung ASTA của In-đô-nê-xi-a, giá hạt tiêu đen xuất khẩu tăng mạnh 31,1%

so với ngày 30/5/2020, lên mức 2.799 USD/tấn. Tại cảng Muntok, giá hạt tiêu trắng xuất khẩu tăng 12% so với ngày 30/5/2020, lên mức 3.892 USD/tấn.

+ Tại cảng Kochi (Ấn Độ), ngày 30/6/2020 giá hạt tiêu đen xuất khẩu tăng 0,9% so với ngày 30/5/2020, lên mức 4.374 USD/tấn.

Nguồn cung hạt tiêu trên sàn giao dịch Kochi giảm. Trong khi đó, nhu cầu thị trường dần phục hồi sau giai đoạn trì trệ tháng 4 và tháng 5/2020. Do đó, các thương nhân chuyển hướng sang nhập khẩu hạt tiêu từ Xri Lan-ca và Việt Nam.

Diễn biến giá hạt tiêu đen xuất khẩu của In-đô-nê-xi-a và Ấn Độ từ đầu năm 2020 đến nay



Nguồn: Hiệp hội hạt tiêu Quốc tế (IPC)

+ Tại cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh của Việt Nam, giá hạt tiêu đen xuất khẩu giảm do nhu cầu của các nhà nhập khẩu nước ngoài giảm sau khi đã nhập một số lượng lớn

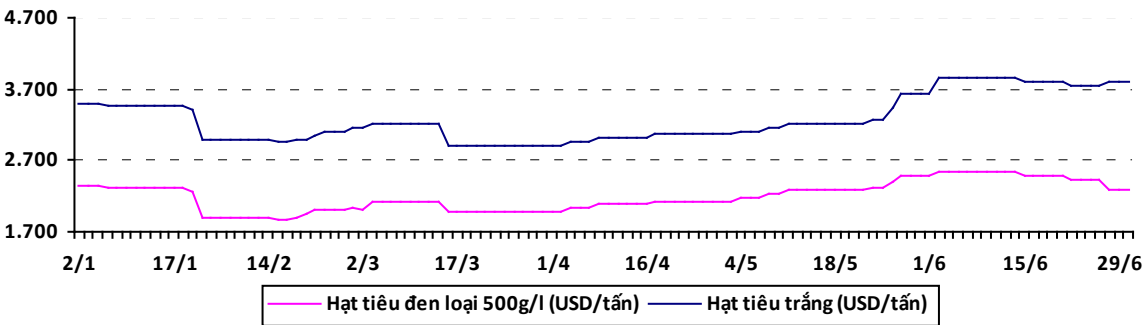
150.000 tấn. Dịch Covid-19 lần 2 ảnh hưởng đến nhu cầu nhập khẩu của một số thị trường xuất khẩu chính. Bên cạnh đó, việc Trung Quốc đẩy mạnh lượng hạt tiêu bán ra cũng tác động

đến giá hạt tiêu của Việt Nam giảm. Tuy nhiên, xu hướng giảm chỉ là tạm thời do lượng hạt tiêu của Trung Quốc bán ra không đáng kể.

Ngày 30/6/2020, giá hạt tiêu đen loại

500g/l và 550g/l xuất khẩu giảm lần lượt 4,4% và 3,1% so với ngày 30/5/2020, xuống mức 2.380 USD/tấn và 2.461 USD/tấn. Ngược lại, giá hạt tiêu trắng xuất khẩu tăng 7,1% so với ngày 30/5/2020, lên mức 3.900 USD/tấn.

Diễn biến giá hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng xuất khẩu của Việt Nam từ đầu năm 2020 đến nay



Dự báo thời gian tới, giá hạt tiêu sẽ tiếp tục tăng do nhu cầu tích trữ lúc giá ở mức thấp. Về dài hạn, giá hạt tiêu toàn cầu sẽ được hỗ trợ khi sản lượng ở hầu hết các nước sản xuất lớn đều giảm mạnh, trong đó có Việt Nam. Theo Hiệp hội Hạt tiêu Việt Nam, sản lượng hạt tiêu

Nguồn: Hiệp hội hạt tiêu Quốc tế (IPC) của Việt Nam vụ mùa năm 2020 giảm khoảng 15% so với năm 2019, xuống còn 240.000 tấn. Dự báo vụ mùa năm 2021 sản lượng hạt tiêu sẽ tiếp tục giảm do người dân không đầu tư chăm sóc, ảnh hưởng đến năng suất.



TRONG NƯỚC: GIÁ HẠT TIÊU GIẢM

Giá hạt tiêu tháng 6/2020 giảm trở lại sau khi chạm mức đỉnh 60.000 đồng/kg vào ngày 29/5/2020. Người dân hạn chế bán ra để chờ giá tăng lên, do đó các nhà nhập khẩu đã chuyển hướng sang thị trường Bra-xin với mức giá chào thấp hơn.

Ngày 30/6/2020, giá hạt tiêu đen trong

nước giảm so với ngày 30/5/2020. Mức giảm thấp nhất là 9,6% tại huyện Chư Sê tỉnh Gia Lai; mức giảm cao nhất là 13% ở tỉnh Đồng Nai, xuống còn 47.000 đ/kg. Giá hạt tiêu trắng giảm 2,9% so với cuối tháng 5/2020, xuống còn 66.000 đ/kg và thấp hơn so với mức 72.000 đ/kg cùng kỳ năm 2019.

Giá hạt tiêu tại một số tỉnh/huyện khu vực khảo sát ngày 30/6/2020

Tỉnh/huyện (khu vực khảo sát)	Đơn giá (đồng/kg)	So với ngày 30/5/2020 (%)
Đắk Lắk		
Ea H'leo	48.500	-11,0
Gia Lai		
Chư Sê	47.000	-9,6
Đắk Nông		
Gia Nghĩa	48.500	-11,0
Bà Rịa - Vũng Tàu	50.000	-10,7
Bình Phước	48.500	-11,8
Đồng Nai	47.000	-13,0

Nguồn: Tintaynguyen.com

XUẤT KHẨU HẠT TIÊU THÁNG 6/2020 GIẢM

Theo ước tính, xuất khẩu hạt tiêu trong tháng 6/2020 đạt 25 nghìn tấn, trị giá 56 triệu USD, giảm 17,6% về lượng và giảm 8% về trị giá so với tháng 5/2020, so với tháng 6/2019 giảm 18,5% về lượng và giảm 25,5% về trị giá. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu hạt tiêu đạt 172 nghìn tấn, trị giá 365 triệu USD, giảm 2,9% về lượng và giảm 19% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu trong tháng 6/2020 đạt 2.240 USD/tấn, tăng 11,6% so với tháng 5/2020, nhưng giảm 8,6% so với tháng 6/2019. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu đạt mức 2.127 USD/tấn, giảm 16,6% so với cùng kỳ năm 2019.

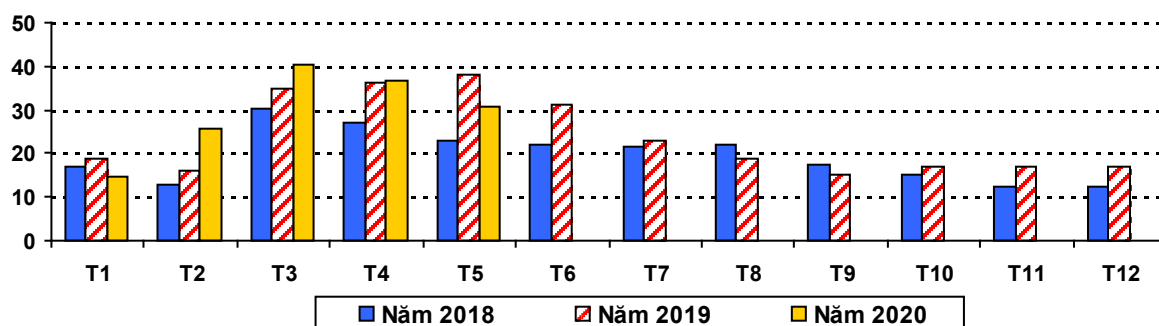
Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải

quan, tháng 5/2020 xuất khẩu hạt tiêu đạt 30,6 nghìn tấn, trị giá 60,9 triệu USD, cùng giảm 16,1% về lượng và trị giá so với tháng 4/2020, so với tháng 5/2019 giảm 19,9% về lượng và giảm 34,7% về trị giá. Tính chung 5 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu hạt tiêu đạt 146,8 nghìn tấn, trị giá 309,33 triệu USD, tăng 0,4% về lượng, nhưng giảm 17,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.



Lượng xuất khẩu hạt tiêu qua các tháng năm 2018-2020

(Đvt: nghìn tấn)

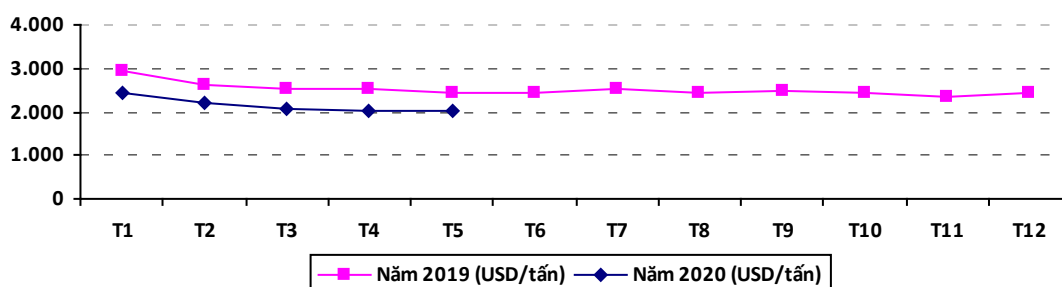


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 5/2020, giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu đạt mức 2.007 USD/tấn, ổn định so với tháng 4/2020, nhưng giảm 18,4% so với tháng 5/2019. Tính chung 5 tháng đầu năm

2020, giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu đạt mức 2.108 USD/tấn, giảm 18,1% so với cùng kỳ năm 2019.

Giá xuất khẩu trung bình mặt hàng hạt tiêu năm 2019 - 2020



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tháng 5/2020, giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu sang nhiều thị trường giảm so với tháng 4/2020 và so với tháng 5/2019, bao gồm: Hà Lan, Bỉ, Đức, Ca-na-đa, Ý. Ngược lại, giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu sang một số thị trường tăng so với tháng 4/2020, gồm: Thái Lan, Úc, Hoa Kỳ.

Trong 5 tháng đầu năm 2020, giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu sang tất cả các thị trường giảm so với cùng kỳ năm 2019, bao gồm: Hà Lan giảm 12,5%, xuống mức 3.072 USD/tấn; Bỉ giảm 16,1%, xuống mức 3.170 USD/tấn; Thái Lan giảm 11,2%, xuống mức 2.702 USD/tấn; Hoa Kỳ giảm 10,8%, xuống mức 2.492 USD/tấn.





Giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu sang 10 thị trường đạt mức cao tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2020

Thị trường	Giá XKBQ tháng 5/2020 (USD/tấn)	So với tháng 4/2020 (%)	So với tháng 5/2019 (%)	Giá XKBQ 5 tháng 2020 (USD/tấn)	So với 5 tháng năm 2019 (%)
Hà Lan	3.024	-1,2	-10,3	3.072	-12,5
Bỉ	2.948	-3,6	-20,0	3.170	-16,1
Thái Lan	2.946	2,6	7,3	2.702	-11,2
Anh	2.831	0,6	-8,5	2.917	-13,6
Úc	2.689	7,0	-3,4	2.873	-16,6
Ca-na-đa	2.564	-2,8	-13,3	2.654	-10,7
Đức	2.532	-4,5	-7,7	2.616	-11,7
Hoa Kỳ	2.464	2,4	-6,6	2.492	-10,8
Ý	2.441	-4,4	-19,7	2.411	-19,5
Côoét	2.423	14,3	0,9	2.178	-16,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tháng 5/2020, xuất khẩu hạt tiêu sang hầu hết các thị trường chính giảm so với tháng 5/2019, bao gồm: Hoa Kỳ, Đức, Ấn Độ, Ai Cập, Các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất, Hà Lan, Nga, Pa-ki-xtan, Phi-líp-pin; ngược lại xuất khẩu hạt tiêu sang thị trường Anh tăng tới 54,4% về lượng và tăng 41,3% về trị giá.

Trong 5 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu

hạt tiêu sang một số thị trường trọng điểm tăng so với cùng kỳ năm 2019, gồm: Hoa Kỳ tăng 3,7%, đạt 24,7 nghìn tấn; Đức tăng 1,5%, đạt 5,8 nghìn tấn; Ai Cập tăng 42,5%, đạt trên 6 nghìn tấn; Nga tăng 34,2%, đạt 2,9 nghìn tấn; Anh tăng 26,8%, đạt 2,5 nghìn tấn. Ngược lại, xuất khẩu hạt tiêu sang các thị trường giảm, như: Ấn Độ, Các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất, Hà Lan, Pa-ki-xtan, Phi-líp-pin.

10 thị trường xuất khẩu hạt tiêu lớn nhất trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2020

Thị trường	Tháng 5/2020		So với tháng 5/2019 (%)		5 tháng năm 2020		So với 5 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Hoa Kỳ	4.932	12.151	-4,2	-10,5	24.694	61.540	3,7	-7,5
Đức	1.717	4.348	-18,5	-24,8	5.803	15.180	1,5	-10,4
Ấn Độ	1.480	3.132	-34,0	-42,5	7.380	15.879	-39,6	-47,5

Thị trường	Tháng 5/2020		So với tháng 5/2019 (%)		5 tháng năm 2020		So với 5 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Ai Cập	1.103	1.975	-23,1	-33,0	6.020	10.980	42,5	21,6
Các Tiểu vương Quốc Ả rập Thống nhất	1.022	2.069	-11,7	-18,7	5.398	11.166	-11,2	-21,9
Hà Lan	786	2.377	-33,8	-40,6	3.392	10.419	-14,0	-24,8
Nga	736	1.483	-11,3	-20,2	2.877	5.775	34,2	20,5
Pa-kít-xtan	727	1.458	-43,9	-50,4	6.200	12.563	-10,3	-25,3
Anh	610	1.727	54,4	41,3	2.471	7.207	26,8	9,6
Phi-líp-pin	512	1.010	-3,8	-4,4	2.427	4.654	-2,1	-14,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tháng 5/2020, xuất khẩu hạt tiêu đen, hạt tiêu trắng và hạt tiêu trắng xay giảm so với tháng 5/2019, trong khi xuất khẩu hạt tiêu đen xay tăng mạnh. Trong 5 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng xay giảm so với cùng kỳ năm 2019, nhưng xuất khẩu hạt tiêu đen xay và hạt tiêu trắng tăng. Cụ thể:

Xuất khẩu hạt tiêu đen tháng 5/2020 đạt 24,1 nghìn tấn, trị giá 43,83 triệu USD, giảm 23% về lượng và giảm 39,8% về trị giá

so với tháng 5/2019. Tính chung 5 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu hạt tiêu đen đạt 118,6 nghìn tấn, trị giá 228,29 triệu USD, giảm 0,7% về lượng và giảm 20,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu hạt tiêu đen sang các thị trường giảm, gồm: Trung Quốc, Ấn Độ, Pa-kít-xtan, Các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất, Đức, Hàn Quốc. Ngược lại, xuất khẩu hạt tiêu sang một số thị trường tăng, gồm: Hoa Kỳ, Ai Cập, Mi-an-ma, Nê-pan, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ.

Chủng loại hạt tiêu xuất khẩu tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2020

Chủng loại	Tháng 5/2020		So với tháng 5/2019 (%)		5 tháng năm 2020		So với 5 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Hạt tiêu đen	24.123	43.827	-23,0	-39,8	118.632	228.291	-0,7	-20,5
Hạt tiêu đen xay	2.766	7.770	49,3	40,6	11.412	32.726	14,0	3,1
Hạt tiêu trắng	2.177	6.245	-27,1	-36,7	11.161	32.836	1,6	-12,8
Hạt tiêu trắng xay	298	1.131	-53,2	-53,5	1.778	6.534	-38,1	-44,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HẠT TIÊU HOA KỲ 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo tính toán từ số liệu thống kê của Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, nhập khẩu hạt tiêu của nước này trong 4 tháng đầu năm 2020 đạt 25.656 tấn, trị giá 73,91 triệu USD,

giảm 10,6% về lượng và giảm 19,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Giá nhập khẩu bình quân hạt tiêu của

Hoa Kỳ trong 4 tháng đầu năm 2020 đạt mức 2.881 USD/tấn, giảm 10,3% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân hạt tiêu của Hoa Kỳ từ một số nguồn cung đạt mức cao như: Xri Lan-ca đạt 7.709 USD/tấn; Nam Phi đạt 7.603 USD/tấn; Trung Quốc đạt 5.735 USD/tấn. Giá nhập khẩu bình quân hạt tiêu của Hoa Kỳ từ Việt Nam đạt 2.772 USD/tấn, giảm 10,3%.

4 tháng đầu năm 2020, Hoa Kỳ giảm nhập khẩu hạt tiêu từ các nguồn cung chính gồm: Việt Nam, Bra-xin, In-đô-nê-xi-a, Ấn Độ, Ê-cu-a-đo, Trung Quốc. Ngược lại, Hoa Kỳ tăng nhập khẩu hạt tiêu từ Tây Ban Nha, Xri Lan-ca, Mê-hi-cô. Cụ thể như sau:

Việt Nam là nguồn cung hạt tiêu lớn nhất cho Hoa Kỳ trong 4 tháng đầu năm 2020, lượng nhập khẩu đạt 16,97 nghìn tấn, trị giá 47,04 triệu USD, giảm 1,5% về lượng và giảm 11,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần hạt tiêu của Việt Nam trong tổng lượng

nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 66,1% trong 4 tháng đầu năm 2020, cao hơn so với 60,1% trong 4 tháng đầu năm 2019.

Bra-xin là nguồn cung hạt tiêu lớn thứ 2 cho Hoa Kỳ trong 4 tháng đầu năm 2020, lượng nhập khẩu đạt 4,6 nghìn tấn, trị giá 10,47 triệu USD, giảm 11,2% về lượng và giảm 9,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần hạt tiêu của Bra-xin trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 17,9% trong 4 tháng đầu năm 2020, thấp hơn so với 18% trong 4 tháng đầu năm 2019.

In-đô-nê-xi-a là nguồn cung hạt tiêu lớn thứ 3 cho Hoa Kỳ trong 4 tháng đầu năm 2020, lượng nhập khẩu đạt 1,68 nghìn tấn, trị giá 5,83 triệu USD, giảm 14,9% về lượng và giảm 19,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần hạt tiêu của In-đô-nê-xi-a trong tổng lượng nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 6,6% trong 4 tháng đầu năm 2020, thấp hơn so với 6,9% trong 4 tháng đầu năm 2019.

10 nguồn cung hạt tiêu lớn nhất vào Hoa Kỳ trong 4 tháng đầu năm 2020

Thị trường	4 tháng năm 2020			So với 4 tháng năm 2019 (%)			Thị phần tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá NKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá NKBQ	4 tháng năm 2020	4 tháng năm 2019
Tổng	25.656	73.907	2.881	-10,6	-19,8	-10,3	100,0	100,0
Việt Nam	16.970	47.039	2.772	-1,5	-11,7	-10,3	66,1	60,1
Bra-xin	4.589	10.472	2.282	-11,2	-9,9	1,5	17,9	18,0
In-đô-nê-xi-a	1.684	5.833	3.464	-14,9	-19,5	-5,4	6,6	6,9
Ấn Độ	1.542	5.764	3.739	-30,7	-43,1	-17,9	6,0	7,8
Ê-cu-a-đo	197	564	2.871	-56,0	-55,2	1,6	0,8	1,6
Tây Ban Nha	137	445	3.258	179,2	54,0	-44,8	0,5	0,2
Trung Quốc	128	735	5.735	-66,1	-63,2	8,6	0,5	1,3
Nam Phi	123	932	7.603	-34,8	-25,4	14,5	0,5	0,7
Xri Lan-ca	92	712	7.709	7,6	-5,1	-11,9	0,4	0,3
Mê-hi-cô	52	218	4.194	75,7	90,4	8,4	0,2	0,1
Thị trường khác	143	1.193	8.323	-84,3	-71,8	79,6	0,6	3,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ

(*) Ghi chú: Hạt tiêu có mã HS: 090411; 090412

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ

- ▶ *Xuất khẩu sầu riêng của Thái Lan tăng mạnh tới thị trường Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2020.*
- ▶ *Căm-pu-chia đã đạt thỏa thuận chính thức xuất khẩu xoài sang Trung Quốc.*
- ▶ *Thị phần chủng loại quả chuối của Việt Nam giảm trong tổng nhập khẩu của Hàn Quốc.*
- ▶ *Trong nửa đầu năm 2020, xuất khẩu hàng rau quả ước đạt 1,8 tỷ USD, giảm 11,4% so với cùng kỳ năm 2019.*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Thái Lan: Theo Cục Đàm phán thương mại Thái Lan, trong 4 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu sầu riêng của Thái Lan đạt 788 triệu USD, tăng 30% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu sầu riêng sang thị trường Trung Quốc đạt 567 triệu USD, tăng 78% so với cùng kỳ năm 2019. Theo số liệu thống kê cho thấy, Thái Lan là thị trường xuất khẩu sầu riêng số một thế giới, không bị tác động bởi việc Trung Quốc gần đây đã cho phép Ma-lai-xi-a xuất khẩu sầu riêng đông lạnh nguyên quả sang thị trường Trung Quốc.

Lợi ích từ các thỏa thuận thương mại tự do đã mang lại thành tích ấn tượng trong xuất khẩu sầu riêng của Thái Lan. Hiện tại, Thái Lan đã có thỏa thuận FTA với 18 nước và vùng lãnh thổ, bao gồm Trung Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản, Niu Di-lân, Pê-ru và 9 quốc gia thành viên ASEAN.

Hơn nữa, ngay từ trước khi bắt đầu vụ thu hoạch, các nhóm thương nhân trái cây Trung Quốc đã tới thăm các vườn sầu riêng Thái Lan và đặt hàng. Ngay khi mùa thu hoạch thực sự bắt đầu, lệnh phong tỏa toàn quốc tại Trung Quốc do Covid-19 thì toàn bộ các hoạt động đặt hàng đã hoàn tất. Về dài hạn, triển vọng thị trường đối với sầu riêng của Thái Lan tại Trung Quốc vẫn rất tích cực.

Năm 2019, xuất khẩu sầu riêng Thái Lan đạt xấp xỉ 1,46 tỷ USD, riêng xuất khẩu tới



Trung Quốc, Hồng Kông và các nước ASEAN chiếm 98% tổng trị giá xuất khẩu.

Căm-pu-chia: Theo nguồn Fresh Plaza, đầu tháng 6/2020, Căm-pu-chia đã đạt thỏa thuận chính thức xuất khẩu xoài sang Trung Quốc. Chính phủ Trung Quốc chính thức phê duyệt nhập khẩu 500 nghìn tấn xoài tươi Căm-pu-chia hàng năm, trong tổng nhu cầu xoài tại Trung Quốc lên tới khoảng 8 triệu tấn. Thỏa thuận trên có tiêu đề “Các yêu cầu vệ sinh kiểm dịch cho xuất khẩu xoài tươi từ Căm-pu-chia sang Trung Quốc”, được ký kết bởi Bộ trưởng Nông Lâm Thủy sản Căm-pu-chia và Đại sứ Trung Quốc tại Căm-pu-chia.

Xoài tươi là loại trái cây thứ 2 của Căm-pu-chia được chính thức cho phép nhập khẩu vào thị trường Trung Quốc, sau chuối vàng được phê duyệt trong năm 2019.

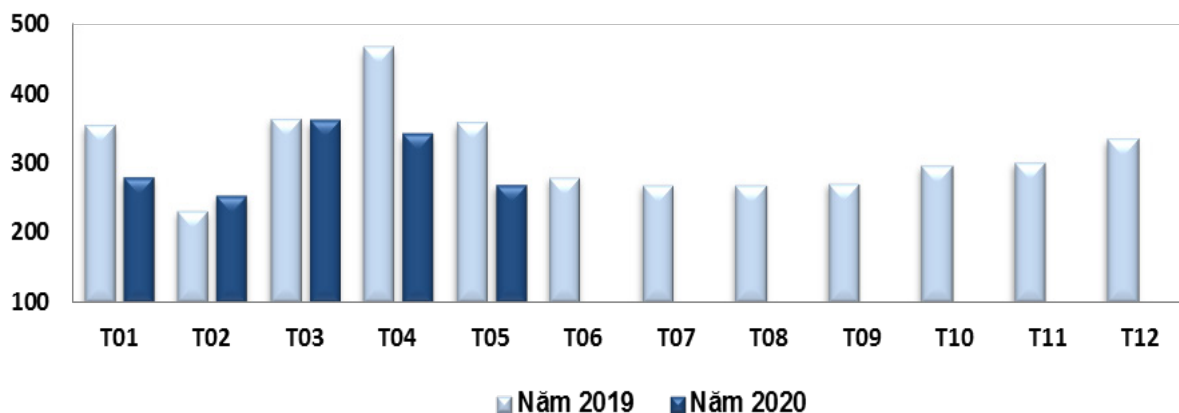
Trong 5 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu xoài tươi của Căm-pu-chia đạt 44,1 nghìn tấn, tăng 50,96% so với cùng kỳ năm 2019. Năm 2019, xuất khẩu xoài của Căm-pu-chia đạt 58,2 nghìn tấn, xuất khẩu sang 6 thị trường là Thái Lan, Việt Nam, Xin-ga-po, Pháp, Nga và Hồng Kông.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU HÀNG RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM

Theo ước tính, xuất khẩu hàng rau quả trong tháng 6/2020 đạt 300 triệu USD, tăng 8,4% so với tháng 6/2019. Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 6/2020 xuất khẩu hàng rau quả ước đạt 1,8 tỷ USD, giảm 11,4% so với cùng kỳ năm 2019.

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hàng rau quả tháng 5/2020 đạt 269,68 triệu USD, giảm 24% so với tháng 5/2019. Tính chung 5 tháng đầu năm 2020, trị giá xuất khẩu hàng rau quả đạt 1,5 tỷ USD, giảm 14,6% so với cùng kỳ năm 2019.

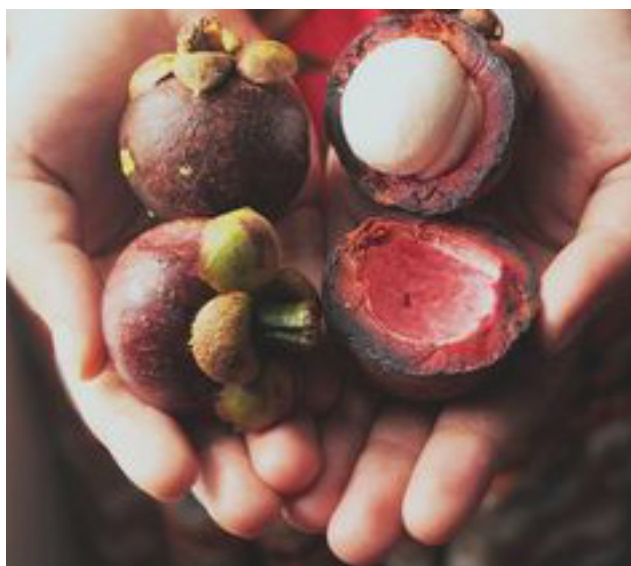
Tình hình xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam qua các tháng năm 2019 – 2020
(ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Mặc dù xuất khẩu hàng rau quả sang thị trường Trung Quốc giảm mạnh trong 5 tháng đầu năm 2020, đạt 906,1 triệu USD, giảm 30,3% so với cùng kỳ năm 2019, tuy nhiên xuất khẩu sang nhiều thị trường ghi nhận mức tăng trưởng cao như: Thái Lan đạt 68 triệu USD, tăng 233,4% so với cùng kỳ năm 2019; Hàn Quốc đạt 67,4 triệu USD, tăng 21,9%; Hoa Kỳ đạt 62 triệu USD, tăng 6,2%; Nhật Bản đạt 57,7 triệu USD, tăng 15,7%...

Đáng chú ý, xuất khẩu hàng rau quả có nhiều tín hiệu khả quan trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, như việc trái chuối của Việt Nam đã chính thức vào hệ thống siêu thị Lotte của Hàn Quốc; quả vải của Hải Dương và Bắc Giang đã được xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Trung Quốc, Hoa Kỳ; thị trường Ấn Độ rất ưa chuộng trái thanh long, vải, chôm chôm của Việt Nam; trái nhãn Sơn La đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu ra thế giới... Cùng với đó Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA)



có hiệu lực từ ngày 1/8/2020, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp ngành hàng rau quả mở rộng thị trường xuất khẩu. Tuy nhiên, để xuất khẩu được vào khối thị trường này, ngành hàng rau quả của Việt Nam cần cải thiện thêm về chất lượng nông sản, nhất là vệ sinh an toàn thực phẩm nhằm đạt được những tiêu chuẩn của thị trường châu Âu.

Thị trường xuất khẩu rau quả trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2020

Thị trường	Tháng 5/2020 (Nghìn USD)	So với tháng 5/2019 (%)	5 tháng năm 2020 (Nghìn USD)	So với 5 tháng năm 2019 (%)	Tỷ trọng 5 tháng (%)	
					Năm 2020	Năm 2019
Tổng	269.684	-24,0	1.499.873	-14,6	100,0	100,0
Trung Quốc	158.244	-36,0	906.147	-30,3	60,4	74,0
Thái Lan	10.102	181,8	67.959	233,4	4,5	1,2
Hàn Quốc	12.751	8,8	67.365	21,9	4,5	3,1
Hoa Kỳ	12.760	-1,0	62.016	6,2	4,1	3,3
Nhật Bản	11.354	-15,0	57.709	15,7	3,8	2,8
Hà Lan	6.003	-35,6	33.975	9,0	2,3	1,8
Đài Loan	7.180	30,4	31.387	86,4	2,1	1,0
Nga	4.277	54,3	24.185	121,2	1,6	0,6
Úc	4.302	25,6	22.664	41,6	1,5	0,9
Hồng Kông	9.596	79,9	21.280	66,0	1,4	0,7
Thị trường khác	33.114	-16,2	205.187	11,0	13,7	10,5

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU TRÁI CHUỐI CỦA HÀN QUỐC VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

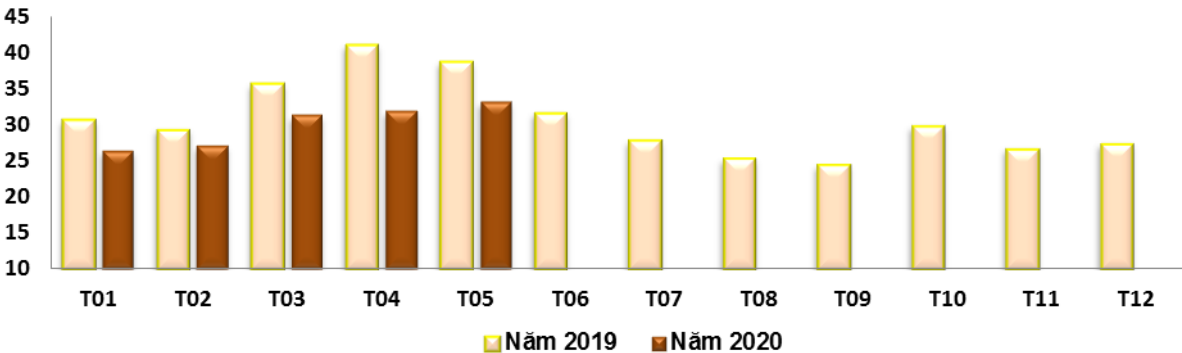
Theo số liệu thống kê của Ủy ban Thương mại Quốc tế Hàn Quốc, nhập khẩu chuối của Hàn Quốc trong 5 tháng đầu năm 2020 đạt 150,2 nghìn tấn, trị giá 121,7 triệu USD, giảm 14,4% về lượng và giảm 14,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Giá nhập khẩu bình quân quả chuối của Hàn Quốc đạt 810,1 USD/

tấn, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2019.

Theo nguồn worldstopexports.com, Hàn Quốc là thị trường nhập khẩu chuối lớn thứ 12 trên thế giới, trị giá nhập khẩu chuối của Hàn Quốc chiếm 1,9% tổng nhập khẩu chuối của thế giới, đạt 301,6 triệu USD trong năm 2019.

Nhập khẩu quả chuối của Hàn Quốc qua các tháng năm 2019 - 2020

(ĐVT: Nghìn tấn)



Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Hàn Quốc

Phi-líp-pin là thị trường cung cấp chuối lớn nhất cho Hàn Quốc, đạt 115,5 nghìn tấn, trị giá 93,9 triệu USD trong 5 tháng đầu năm 2020, giảm 13,2% về lượng và giảm 14,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Tỷ trọng nhập khẩu từ Phi-líp-pin chiếm tới 76,9%, tăng 1,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2019.

Việt Nam là nguồn cung chuối lớn thứ 6 cho Hàn Quốc trong 5 tháng đầu năm 2020, đạt 2,6 nghìn tấn, trị giá 1,6 triệu USD, giảm

27,1% về lượng và giảm 33% về trị giá so với 5 tháng năm 2019. Thị phần chuối của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Hàn Quốc giảm nhẹ trong 5 tháng đầu năm 2020.

Việc Lotte Mart giới thiệu và phân phối sản phẩm chuối của Việt Nam tại chuỗi siêu thị Lotte tại thị trường Hàn Quốc là cơ hội lớn để trái chuối của Việt Nam mở rộng thị phần tại thị trường có quy mô nhập khẩu chuối lên tới 300 triệu USD/năm.

Hàn Quốc nhập khẩu chuối từ 10 thị trường chính trong 5 tháng đầu năm 2020

(Mã HS: 080390)

Thị trường	5 tháng năm 2020			So với 5 tháng năm 2019 (%)			Tỷ trọng theo lượng 5 tháng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá	Năm 2020	Năm 2019
Tổng	150.225	121.694	810,1	-14,4	-14,3		100,0	100,0
Phi-líp-pin	115.484	93.930	813,4	-13,2	-14,1	-1,0	76,9	75,8
Ê-cu-a-đo	9.740	7.265	745,9	-51,3	-48,4	6,0	6,5	11,4
Cô-lum-bi-a	8.662	6.849	790,7	4206,9	3976,8	-5,3	5,8	0,1
Goa-ta-mê-la	6.869	4.958	721,8	-26,8	-28,0	-1,6	4,6	5,4
Pê-ru	4.624	5.357	1.158,5	-26,1	-24,8	1,7	3,1	3,6
Việt Nam	2.594	1.572	605,9	-27,1	-33,0	-8,1	1,7	2,0
Mê-hi-cô	1.984	1.571	791,7	-16,9	-11,6	6,3	1,3	1,4
In-đô-nê-xi-a	232	160	690,7	-49,2	-49,4	-0,4	0,2	0,3
Cốt-xta Ri-ca	33	24	725,1	78709,5	20,0	-99,8	0,0	0,0
Thái Lan	2	5	2.057,6	-97,7	-88,6	397,9	0,0	0,1
Thị trường khác	0	3	20.000,0	-99,6	-72,7	7629,6	0,0	0,0

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Hàn Quốc

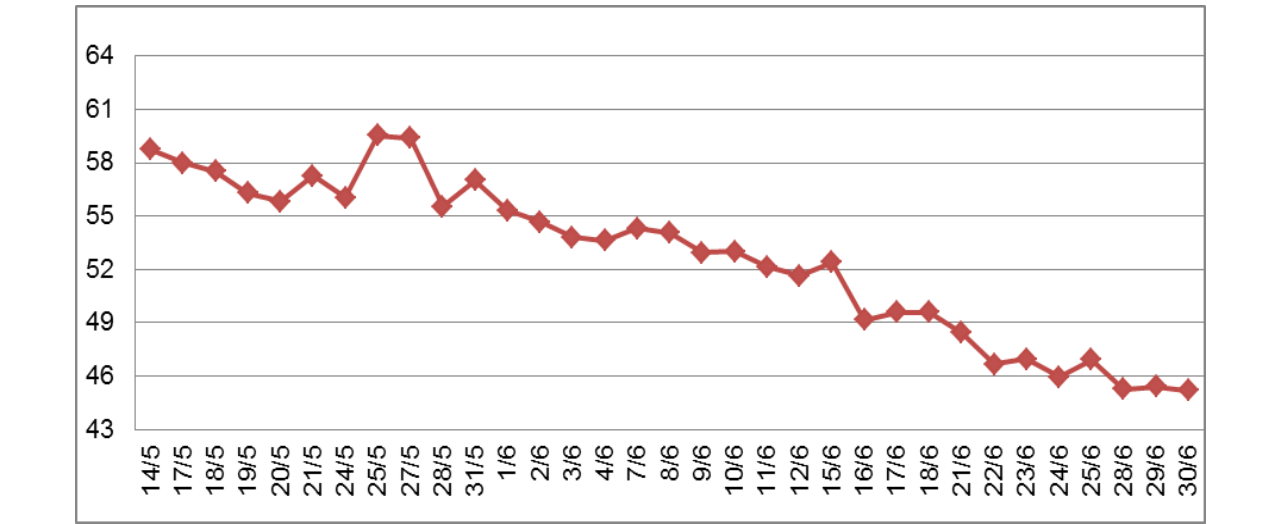
THỊ TRƯỜNG THỊT

- ▶ Tháng 6/2020, giá lợn nạc tại Chicago, Hoa Kỳ có xu hướng giảm mạnh so với tháng 5/2020.
- ▶ Trong tháng 6/2020, giá lợn trong nước có xu hướng giảm sau khi các doanh nghiệp được phép nhập khẩu lợn sống từ Thái Lan.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Tháng 6/2020, giá lợn nạc tại Chicago, Hoa Kỳ có xu hướng giảm mạnh so với tháng 5/2020. Ngày 30/6/2020 giá lợn nạc tại Chicago, Hoa Kỳ giao kỳ hạn tháng 7/2020 giao dịch ở mức 45,18 UScent/lb, giảm 20,8% so với cuối tháng 5/2020 và giảm 37,8% so với ngày 30/6/2019.

Diễn biến giá lợn nạc giao kỳ hạn tháng 7/2020 tại Hoa Kỳ trong tháng 6/2020
(ĐVT: UScent/lb)



Nguồn: cmegroup.com

Giá thịt quốc tế đã giảm 8,6% kể từ tháng 1/2020, với thịt cừu giảm mạnh nhất, tiếp theo là thịt gia cầm, thịt lợn và thịt bò do tác động của các biện pháp hạn chế liên quan đến dịch Covid-19 dẫn đến khó khăn về logistic, nhập khẩu toàn cầu giảm mạnh và khối lượng đáng kể các sản phẩm thịt không bán được.

Về cung - cầu

Tồn trữ thịt lợn đông lạnh của Hoa Kỳ giảm mạnh trong tháng 5/2020 khi dịch Covid-19 bùng phát ở một số cơ sở đóng gói thịt. Điều này khiến cho việc chế biến bị

chậm lại và đẩy giá tăng lên. Nguồn cung thịt tại Hoa Kỳ vẫn bị thắt chặt cho dù các công ty như Tyson Food Inc và Smithfield Foods của WH Group đã mở cửa trở lại các lò giết mổ - đã bị đóng cửa kể từ tháng 4/2020 và kéo dài tới tháng 5/2020 để ngăn chặn sự lây lan của dịch Covid-19. Lượng thịt lợn trữ trong các kho lạnh tính tới cuối tháng 5/2020 giảm 24% so với tháng trước đó, trong khi thịt bò giảm 13%.

Theo một báo cáo mới của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO), tổng sản lượng thịt thế giới được dự báo giảm

1,7% trong năm 2020, do các bệnh động vật, sự gián đoạn thị trường liên quan đến dịch Covid-19 và ảnh hưởng kéo dài của hạn hán. Thương mại thịt quốc tế có khả năng tăng trưởng chậm hơn đáng kể so với năm 2019, phần lớn được duy trì bởi nhu cầu nhập khẩu từ Trung Quốc ở mức cao.

Dịch tả lợn tiếp tục là vấn đề chi phối thị trường thịt lợn toàn cầu trong năm 2020. Dịch tả lợn tiếp tục lây lan theo chiều hướng chưa kiểm soát được. Tại Phi-líp-pin, dịch bệnh vẫn diễn biến khá phức tạp và lây lan nhanh ở các hộ chăn nuôi. Dịch bệnh này cũng đang lây lan tại Ấn Độ và Pa-pu-a Niu Ghi-nê. Hiện Bỉ đã có những thành công nhất định trong việc kiểm soát dịch tả lợn, nhưng tại Ba Lan dịch tả lợn châu Phi tiếp tục lây lan trên phạm vi rộng.

Trung Quốc: Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong tháng 5/2020, Trung Quốc đã nhập khẩu 370 nghìn tấn thịt lợn, trị giá 1,06 tỷ USD, tăng 86,2% về lượng và tăng 165,7% về trị giá so với tháng 5/2019, do sản lượng trong nước sụt giảm. Con số này gần bằng mức cao kỷ lục 400 nghìn tấn nhập khẩu trong tháng 4/2020. Như vậy, trong 5 tháng đầu năm 2020, Trung Quốc đã nhập khẩu 1,72 triệu tấn thịt lợn, trị giá 5,04 tỷ USD, tăng 161,4% về lượng và tăng 323,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Nếu tính cả nội tạng thì tổng nhập khẩu thịt lợn từ đầu năm 2020 đến hết tháng 5/2020 đạt 2,28 triệu tấn (tháng 5/2020 nhập khẩu nội tạng đạt 510 nghìn tấn, tăng 62% so với tháng 5/2019).



Nhập khẩu thịt vào thị trường này duy trì xu hướng tăng mạnh mặc dù các nhà cung cấp chính, trong đó có Hoa Kỳ và Bra-xin, phải đóng cửa nhiều nhà máy thịt do công nhân bị nhiễm virus corona. Sản lượng thịt lợn Trung Quốc quý I/2020 đã giảm gần 1/3 do dịch tả lợn châu Phi, khiến giá thịt lợn trên thị trường này tiếp tục duy trì ở mức cao kỷ lục. Tuy nhiên, nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc có thể chậm lại sau khi một trong những cảng lớn tại Trung Quốc bắt đầu kiểm tra nghiêm ngặt các lô hàng thịt do dịch Covid-19 và hải quan tăng cường thanh tra toàn bộ các lô hàng thực phẩm. Các đợt kiểm tra này làm tăng giá thịt lợn tại Trung Quốc, vốn đã tăng mạnh từ giữa tháng 5/2020 do nguồn cung nội địa giảm mạnh trong 3 tháng đầu năm 2020. Giá thịt lợn tại Trung Quốc hiện cao gấp hai lần so với cùng kỳ năm 2019.

Ngoài ra, trong tháng 5/2020, Trung Quốc cũng nhập khẩu 140 nghìn tấn thịt bò, trị giá 681,36 triệu USD, tăng 15,2% về lượng và tăng 15,8% về trị giá so với tháng 5/2019. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu thịt bò của Trung Quốc đạt 820 nghìn tấn, trị giá 4,37 tỷ USD, tăng 45,4% về lượng và tăng 66,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trong tháng 6/2020, giá lợn trong nước có xu hướng giảm sau khi các doanh nghiệp được phép nhập khẩu lợn sống từ Thái Lan. Tại miền Bắc, giá lợn hơi giảm xuống còn 85.000 – 91.000 đồng/kg, tại miền Trung dao động từ 84.000 – 88.000 đồng/kg; tại miền Nam dao động quanh mức 85.000 – 88.000 đồng/kg. Dự báo giá lợn sống sẽ tiếp tục giảm trong những tuần sắp tới khi nhập khẩu lợn sống từ Thái Lan về Việt Nam tăng.

Tuy nhiên, giá lợn tại Thái Lan đang tăng bởi yếu tố tâm lý. Nhiều người chăn nuôi ở Thái Lan đã nâng giá bán khi Việt Nam tham gia nhập khẩu lợn từ quốc gia này. Do tăng giá lợn, tăng giá phí, nên giá lợn hơi Thái Lan khi nhập về Việt Nam được bán với giá 81.000-82.000 đồng/kg, chênh rất ít với giá lợn nuôi trong nước (có nơi thấp nhất chỉ 83.000 đồng/kg). Hiện nay các doanh nghiệp đã đăng ký nhập khẩu chính ngạch 800.000 con lợn hơi từ Thái Lan về Việt Nam. Do lợn hơi trong nước và Thái Lan đang rút ngắn khoảng cách về giá, nên các doanh nghiệp đang tính toán thận trọng số lượng và thời điểm nhập.

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, trong 6 tháng đầu năm 2020, chăn nuôi trâu, bò nhìn chung ổn định. Đàn trâu cả nước tiếp tục xu hướng giảm do hiệu quả kinh tế không cao. Đàn bò phát triển khá do được hỗ trợ vốn, kỹ thuật chăn nuôi và có thị trường tiêu thụ tốt, người chăn nuôi có lãi. Tháng 6/2020, đàn trâu của cả nước giảm khoảng 2% so với tháng 6/2019; trong khi đàn bò tăng 3,4%. Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng 6 tháng đầu năm 2020 đạt 49 nghìn tấn, tăng 1,2% so

với cùng kỳ năm 2019 (riêng quý II/2020 đạt 22,3 nghìn tấn, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm 2019); sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng đạt 187,5 nghìn tấn, tăng 4,1% (riêng quý II/2020 đạt 86,1 nghìn tấn, tăng 6,2%); sản lượng sữa bò tươi đạt 522,2 nghìn tấn, tăng 8,1% (riêng quý II/2020 đạt 262,1 nghìn tấn, tăng 10%).

Dịch tả lợn châu Phi đang được kiểm soát, đàn lợn dần được khôi phục, nhưng việc tái đàn còn chậm, giá lợn giống ở mức cao khiến các hộ có nguồn vốn hạn hẹp chưa thể khôi phục sản xuất, các hộ có đủ điều kiện lại thận trọng tái đàn do tâm lý lo ngại dịch quay trở lại. Tổng số lợn của cả nước tháng 6/2020 giảm khoảng 7,5% so với tháng 6/2019; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 6 tháng đầu năm 2020 ước đạt trên 1,6 triệu tấn, giảm 8,8% so với cùng kỳ năm 2019 (riêng quý II/2020 đạt 816,2 nghìn tấn, tăng 3,3% so với cùng kỳ năm 2019).

Tổng đàn và sản lượng gia cầm tăng do các hộ chăn nuôi mở rộng quy mô chăn nuôi và khu vực doanh nghiệp phát triển tốt. Tuy nhiên, người chăn nuôi cần theo dõi sát diễn biến thị trường, không nên tăng đàn ồ ạt dẫn tới tình trạng dư thừa nguồn cung, giá bán giảm sâu gây thua lỗ. Tổng số gia cầm của cả nước tháng 6/2020 tăng khoảng 7,4% so với tháng 6/2019. Sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng 6 tháng đầu năm 2020 ước đạt 702,1 nghìn tấn, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2019 (riêng quý I/2020 đạt 328,6 nghìn tấn, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm 2019); sản lượng trứng gia cầm đạt 7,2 tỷ quả, tăng 11% (riêng quý II/2020 ước đạt 3,3 tỷ quả, tăng 11,3% so với cùng kỳ năm 2019).

Tính đến ngày 25/6/2020, cả nước không còn dịch cúm gia cầm và dịch tai xanh; dịch lở mồm long móng chưa qua 21 ngày còn ở Kon Tum và dịch tả lợn châu Phi còn ở 238 xã thuộc 60 huyện của 19 địa phương chưa qua 30 ngày (trong tháng 6/2020 tái phát tại 122 xã của 12 địa phương).



THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

- ▶ Các trại nuôi ấp tôm nước lợ, tôm đồng giống tại Đài Loan đã phát hiện có virus hồng thân (div1) trên tôm nuôi.
- ▶ Giá tôm ở Ê-cu-a-đo giảm do nhu cầu từ thị trường Trung Quốc ở mức thấp.
- ▶ Trong 5 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu tôm của Hôn-đu-rát giảm 7% do tác động của dịch Covid-19 và hạn hán năm 2019.
- ▶ Ngày 25/6/2020, giá cá tra nguyên liệu tại tỉnh An Giang giảm 100 - 300 đ/kg so với ngày 18/6/2020; giá tôm nguyên liệu tại Cà Mau ổn định.
- ▶ Theo ước tính, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tháng 6/2020 đạt 155 nghìn tấn, trị giá 680 triệu USD, giảm 7,99% về lượng và giảm 5,2% về trị giá so với tháng 6 năm 2019.
- ▶ Thị phần hầu hết các mặt hàng thủy sản chủ lực của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Tây Ban Nha vẫn ở mức thấp.

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN THẾ GIỚI

- Thị trường Đài Loan: Các trại nuôi ấp tôm nước lợ, tôm đồng giống tại Đài Loan đã phát hiện có virus hồng thân (div1) trên tôm nuôi. Đây là loại virus đã bùng phát trong ngành tôm Trung Quốc. Theo Hội đồng Nuôi trồng Thủy sản Đài Loan, hơn 10 trong tổng số 30 trại nuôi ấp tại Đài Loan phát hiện tôm nhiễm bệnh.

Các ổ dịch div1 đã được phát hiện tại Tân Trúc, Đài Bắc mới, Khởi Lan, Cao Hùng, và Yunlin. Các chủ sở hữu trang trại đã được yêu cầu tiêu hủy toàn bộ phần tôm bị nhiễm bệnh để ngăn ngừa sự lây lan.

- Ê-cu-a-đo: Giá tôm ở Ê-cu-a-đo giảm do nhu cầu từ thị trường Trung Quốc ở mức thấp. Ngày 18/6/2020, giá tôm tại các trang trại ở Ê-cu-a-đo, được chế biến thành các sản phẩm tôm không đầu, có vỏ (HLSO) cỡ 36/40 giao dịch ở mức 2,00 USD/lb (tương đương 4,41 USD/kg) giảm 10%; giá tôm cỡ 31/35 giảm 20% so với giá ngày 4/6/2020. Giá tôm kích cỡ nhỏ ổn định hoặc tăng nhẹ.

Ngày 19/6/2020, giá tôm nguyên con (HOSO) cỡ 20/30 giao dịch ở mức 4,40 USD/kg; tôm cỡ 30/40 giao dịch ở mức 4,00 USD/kg; tôm

cỡ 40/50 giao dịch ở mức 3,20 USD/kg.

Nhu cầu tôm từ Trung Quốc giảm sau nhiều tháng ở mức cao do nhu cầu tiêu dùng giảm. Giá tôm giao ngay tại Trung Quốc hiện thấp hơn giá các nước xuất khẩu chào bán do tồn kho ở mức cao.

- Hôn-đu-rát: Trong 5 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu tôm của Hôn-đu-rát giảm 7% do tác động của dịch Covid-19 và hạn hán năm 2019, đạt 20 triệu lb (tương đương 44 nghìn tấn). Dự báo, năm 2020 xuất khẩu tôm của Hôn-đu-rát có thể giảm 3-4 triệu lb (tương đương giảm 6,6 - 8,8 nghìn tấn) so với năm 2019. Năm 2019, xuất khẩu tôm của nước này đạt 67,6 triệu lb (tương đương 149 nghìn tấn), trị giá 218,8 triệu USD.



THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Ngày 25/6/2020, giá cá tra nguyên liệu tại tỉnh An Giang giảm 100 - 300 đ/kg so với ngày 18/6/2020; giá tôm nguyên liệu tại Cà Mau ổn định.

Giá cá tra nguyên liệu tại An Giang đến ngày 25/6/2020

Mặt hàng	Trọng lượng	Dạng sản phẩm	Đơn giá (đ/kg)	So sánh với giá tuần trước (đ/kg)	So sánh với giá cùng kỳ năm trước (đ/kg)
Cá Tra thịt trắng	0,7-0,9kg/con	Tươi	17.800-18.000	(-) 200-300	(-)1.800-1.950
Cá Tra thịt trắng	>1kg/con	Tươi	17.500-17.700	(-) 100	(-) 2.000-2.150

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

Giá thủy sản nguyên liệu tại Cà Mau tuần tới ngày 25/6/2020

Mặt hàng	Kích cỡ	Dạng sản phẩm	Đơn giá tuần trước (đ/kg)	Đơn giá tuần báo cáo (đ/kg)
Tôm sú (sống)	20 con/kg	(sống sinh thái)	270.000	270.000
Tôm sú (chết)	20 con/kg	Nguyên liệu	250.000	250.000
Tôm sú (sống)	30 con/kg	(sống sinh thái)	225.000	225.000
Tôm sú (chết)	30 con/kg	Nguyên liệu	208.000	208.000
Tôm sú (sống)	40 con/kg	(sống sinh thái)	180.000	180.000
Tôm sú (chết)	40 con/kg	Nguyên liệu	168.000	168.000
Tôm đất (sống)	Loại I	(sống)	98.000	98.000
Tôm đất (chết)	Loại I	Nguyên liệu	75.000	75.000
Tôm Bạc	Loại I	Nguyên liệu	70.000	70.000
Tôm Thẻ chân trắng	70 con/kg	Mua tại ao đầm	132.000	132.000
Tôm Thẻ chân trắng	100 con/kg	Mua tại ao đầm	90.000	90.000
Mực tua (sống)		(sống)	130.000	130.000
Mực ống	Loại I		120.000	120.000
Cá Chẻm	1 con/ kg		105.000	105.000

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

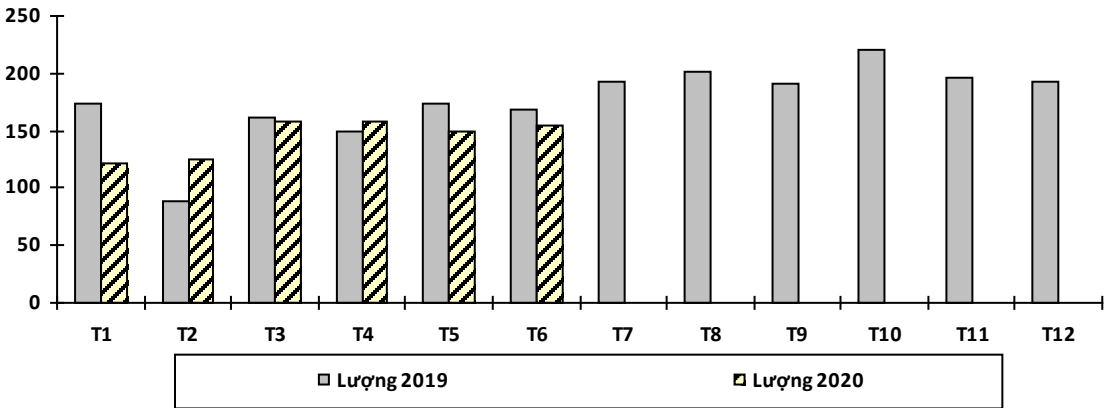


TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM

Theo ước tính, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tháng 6/2020 đạt 155 nghìn tấn, trị giá 680 triệu USD, giảm 7,99% về lượng và giảm 5,2% về trị giá so với tháng 6 năm 2019.

Tính chung nửa đầu năm 2020, xuất khẩu thủy sản đạt 866,04 nghìn tấn, trị giá 3,57 tỷ USD, giảm 5,23% về lượng và giảm 8,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam năm 2019 – 2020
(ĐVT: Nghìn tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, ước tính tháng 6/2020

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản tháng 5/2020 đạt 149,5 nghìn tấn, trị giá 641,8 triệu USD, giảm 13,6% về lượng và giảm 15,4% về trị giá so với tháng 5/2019. Xuất khẩu thủy sản tháng 5/2020 giảm do xuất khẩu cá tra, cá basa, chả cá, cá ngừ, nghêu, bạch tuộc, cua giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2019.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 711,11 nghìn tấn, trị giá 2,89 tỷ USD, giảm 4,6% về lượng và giảm 9,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Xuất khẩu thủy sản 5 tháng đầu năm 2020 giảm chủ yếu do xuất khẩu cá tra, basa, chả cá, cá ngừ, cá khô... giảm, trong khi xuất khẩu tôm, cá đông lạnh, mực... tăng.

Mặt hàng thủy sản xuất khẩu tháng 5 và 5 tháng năm 2020

Mặt hàng	Tháng 5/2020		So với tháng 5/2019 (%)		5 tháng năm 2020		So với 5 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	149.545	641.814	-13,6	-15,4	711.111	2.890.001	-4,6	-9,2
Cá tra, basa	55.271	106.499	-24,4	-38,7	281.609	555.082	-10,5	-29,5
Tôm các loại	31.853	295.489	1,5	0,6	130.293	1.156.046	4,9	2,1
Cá đông lạnh	16.927	71.356	-7,7	-14,9	88.328	355.711	8,7	2,4
Chả cá	11.457	23.319	-20,3	-20,1	57.236	116.751	-9,8	-10,7

Mặt hàng	Tháng 5/2020		So với tháng 5/2019 (%)		5 tháng năm 2020		So với 5 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Cá ngừ các loại	9.978	44.605	-24,5	-32,4	49.920	239.485	-10,5	-19,6
Cá khô	5.921	18.542	41,3	3,2	24.763	86.162	-9,1	-0,8
Mực các loại	4.996	23.655	16,3	-11,9	19.153	104.605	6,1	-9,8
Nghêu các loại	2.955	5.188	-19,4	-28	12.219	22.165	-14,2	-18,7
Bạch tuộc các loại	2.685	17.254	-35,1	-39,4	13.123	84.823	-27	-32
Cá đóng hộp	2.153	5.260	-14,8	-17,5	10.273	26.658	-3,8	-7,2
Cua các loại	690	7.706	-21,2	-15,7	3.053	37.056	60,2	68
Ghẹ các loại	416	2.561	35,8	-38,1	2.566	15.989	37	-27,6
Sò các loại	258	1.314	289	193,8	859	6.374	51,2	37,4
Ốc các loại	164	834	-50,3	4,9	774	2.941	-20,7	33,5
Ruốc	1.573	1.819	214,7	61,3	5.764	7.315	87,4	51,4
Mặt hàng khác	2.246	16.413	34,7	61,5	11.177	72.838	20,5	60,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan





DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU THỦY SẢN TÂY BAN NHA 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo thống kê của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu thủy sản của Tây Ban Nha trong 3 tháng đầu năm 2020 đạt 1,88 tỷ USD, giảm 5,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong quý I/2020, Tây Ban Nha tăng mạnh nhập khẩu thủy sản từ thị trường Ê-cu-a-đo, Thụy Điển, Na-mi-bia.

Trong 20 thị trường cung cấp thủy sản lớn nhất trong quý I/2020, nhập khẩu thủy sản của Tây Ban Nha từ Việt Nam giảm mạnh nhất, giảm 34,6% so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần thủy sản Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Tây Ban Nha giảm từ mức 2,1% trong quý I/2019, xuống còn 1,4% trong quý I/2020.

Thị trường cung cấp thủy sản cho Tây Ban Nha quý I/2020

Thị trường	Quý I/2020 (Nghìn USD)	So với quý I/2019 (%)	Tỷ trọng quý I/2020 (%)	Tỷ trọng quý I/2019 (%)
Tổng	1.885.598	-5,3	100,0	100,0
Mô-rôc-cô	224.260	-1,4	11,9	11,4
Trung Quốc	202.626	-1,2	10,7	10,3
Ê-cu-a-đo	123.241	10,6	6,5	5,6
Thụy Điển	114.611	20,4	6,1	4,8
Hà Lan	95.156	-8,9	5,0	5,2
Bồ Đào Nha	89.423	-28,1	4,7	6,2
Pháp	86.576	-21,9	4,6	5,6
Ấc-hen-ti-na	85.516	-7,1	4,5	4,6
Đan Mạch	51.494	-4,2	2,7	2,7
Na-mi-bia	50.384	19,7	2,7	2,1
Anh	45.885	-11,6	2,4	2,6
Ấn Độ	45.237	5,9	2,4	2,1
Chi-lê	44.781	20,7	2,4	1,9
Pê-ru	38.694	6,4	2,1	1,8
Ý	38.577	43,2	2,0	1,4
Nam Phi	38.500	35,7	2,0	1,4
Hy Lạp	35.300	32,8	1,9	1,3
Đức	29.832	-14,7	1,6	1,8
Việt Nam	27.259	-34,6	1,4	2,1
Hoa Kỳ	22.426	-5,6	1,2	1,2
Thị trường khác	395.820	-16,4	21,0	23,8

Nguồn: ITC



của Tây Ban Nha từ Việt Nam có xu hướng giảm mạnh so với quý I/2019. Như vậy có thể thấy, nhiều mặt hàng thủy sản của Việt Nam vẫn còn kém cạnh tranh tại thị trường Tây Ban Nha. Như với mặt hàng tôm, Tây Ban Nha chủ yếu nhập khẩu tôm từ Ê-cu-a-đo, Ấc-hen-ti-na, Ma-rốc và Trung Quốc. Đặc biệt trong quý I/2020, nhập khẩu tôm các loại của Tây Ban Nha từ Ê-cu-a-đo tăng tới 67,25% so với cùng kỳ năm 2019, lên 48,6 triệu USD.

Thống kê cho thấy, thị phần hầu hết các mặt hàng thủy sản chủ lực của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Tây Ban Nha vẫn ở mức thấp. Trong quý I/2020, nhập khẩu nhiều mặt hàng

Với mặt hàng cá ngừ, Tây Ban Nha cũng chủ yếu nhập khẩu cá ngừ từ Ê-cu-a-đo, Pa-pu-a Niu Ghi-nê, Xây-sen, Ý...

Nhập khẩu một số mặt hàng thủy sản của Tây Ban Nha và thị phần của Việt Nam trong quý I/2020

Mã HS	Tên hàng	Nhập khẩu từ Việt Nam (nghìn USD)	So với quý I năm 2019 (%)	Tỷ trọng trong tổng nhập khẩu của Tây Ban Nha (%)	Tổng nhập khẩu của Tây Ban Nha (nghìn USD)	So với quý I năm 2019 (%)
160414	Cá ngừ chế biến	13.324	-41,6	5,2	257.858	-3,3
030462	Philê cá da trơn đông lạnh	3.809	-37,3	99,5	3.830	-39,7
160556	Ngao, sò chế biến	3.776	-7,3	39,1	9.669	18,5
030617	Tôm đông lạnh	1.062	56,6	0,5	225.808	0,7
030743	Mực đông lạnh	918	6,3	0,5	198.791	-13,4
030487	Philê cá ngừ đông lạnh	907	-61,0	7,7	11.802	10,2
030499	Thịt cá đông lạnh	892	-27,3	11,6	7.691	-34,4
030752	Bạch tuộc đông lạnh	723	-36,5	0,4	170.854	-9,4
030342	Cá ngừ vây vàng đông lạnh	577		1,4	41.153	-37,4
160420	Cá chế biến	503	-35,1	2,4	20.926	-14,2
160529	Tôm chế biến chứa trong thùng kín	263	11,9	35,3	746	-20,4
160521	Tôm chế biến không chứa trong thùng kín	233	-36,3	4,8	4.851	9,0

Nguồn: ITC

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- ▶ Bộ Thương mại Hoa Kỳ đã công bố quyết định sơ bộ trong cuộc điều tra về thuế đối kháng (CVD) đối với mặt hàng phào chỉ trang trí bằng gỗ và vật liệu xây dựng bằng gỗ nhập khẩu từ Trung Quốc.
- ▶ Giá gỗ dán tại thị trường Nga tăng trong tháng 5/2020, do sản lượng và xuất khẩu của Trung Quốc giảm.
- ▶ Thị phần đồ nội thất bằng gỗ Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Ca-na-đa tăng.
- ▶ Trong nửa đầu năm 2020, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước tính đạt 4,98 tỷ USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2019.

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ THẾ GIỚI

Hoa Kỳ: Ngày 9/6/2020, Bộ Thương mại Hoa Kỳ đã công bố quyết định sơ bộ trong cuộc điều tra về thuế đối kháng (CVD) đối với mặt hàng phào chỉ trang trí bằng gỗ và vật liệu xây dựng bằng gỗ như: cửa ra vào, khung cửa và cửa sổ, rèm, mặt lò sưởi, vật liệu ốp tường, cầu thang (lan can, tay vịn...), thanh nẹp và chi tiết trang trí nội thất, (không bao gồm sàn, trần hoặc lớp ván gỗ ngoài), được nhập khẩu từ Trung Quốc. Theo đó, Bộ Thương mại Hoa Kỳ cho rằng các nhà xuất khẩu của Trung Quốc đã nhận trợ cấp với tỷ lệ từ 13,61% đến 245,34%. Bộ Thương mại Hoa Kỳ dự kiến sẽ đưa ra công bố quyết định áp thuế đối kháng cuối cùng vào ngày 20/10/2020.

Nga: Theo Cơ quan

Thống kê Liên bang Nga, giá gỗ dán trung bình tại thị trường Nga trong tháng 5/2020 đạt 26,6 nghìn Rúp/m³ (tương đương 365 USD/m³), tăng 7,8% so với tháng 5/2019. Giá gỗ dán xuất khẩu bình quân đạt 31,43 nghìn Rúp/m³ (tương đương 432 USD/m³). Đây là lần đầu tiên giá gỗ dán của Nga tăng trở lại kể từ tháng 2/2019. Giá gỗ dán tại Nga tăng do sản xuất và xuất khẩu gỗ dán của Trung Quốc giảm.



TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Theo ước tính, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tháng 6/2020 đạt 900 triệu USD, tăng 9,9% so với tháng 6/2019. Trong đó xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 719 triệu USD, tăng 21,5% so với tháng 6/2019. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 4,98 tỷ USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2019; Trong đó xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 3,55 tỷ USD, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2019.

Các doanh nghiệp trong ngành gỗ hiện vẫn đối mặt với nhiều thách thức do diễn biến dịch bệnh trên thế giới vẫn rất phức tạp và chưa được kiểm soát tốt, đặc biệt tại các thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ chính như: Hoa Kỳ, Nhật Bản và EU. Vì vậy, triển vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong quý 3/2020 vẫn chưa khả quan.

Đồ nội thất bằng gỗ là nhóm hàng có trị giá tăng cao và liên tục chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu, 5 tháng đầu năm 2020 mặt hàng đồ nội thất

bằng gỗ xuất khẩu đạt 2,5 tỷ USD, giảm 1,9% so với cùng kỳ năm 2019. Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu chủ yếu tới một số thị trường chính như: Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU.

Tiếp theo là mặt hàng dăm gỗ đạt 706,6 triệu USD, tăng 23,9% so với cùng kỳ năm 2019. Mặt hàng dăm gỗ xuất khẩu chủ yếu sang thị trường Trung Quốc, do nhu cầu sử dụng giấy của các nước châu Âu, châu Mỹ tăng cao, nên nhu cầu nhập nguyên liệu dăm gỗ phục vụ sản xuất của Trung Quốc tăng cao. Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, nhập khẩu dăm gỗ của Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2020 đạt 836,1 triệu USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc nhập khẩu dăm gỗ từ Việt Nam đạt 398,1 triệu USD, tăng 21,9% so với cùng kỳ năm 2019.

Ngoài ra, trong 5 tháng đầu năm 2020 còn xuất khẩu một số mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ khác như: Gỗ, ván và ván sàn, cửa gỗ, đồ gỗ mỹ nghệ...

Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu chính trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2020

Mặt hàng	Tháng 5/2020 (Nghìn USD)	So với tháng 5/2019 (%)	5 tháng năm 2020 (Nghìn USD)	So với 5 tháng năm 2019 (%)	Tỷ trọng 5 tháng (%)	
					Năm 2020	Năm 2019
Tổng	771.698	-15,1	4.080.390	0,9	100,0	100,0
Đồ nội thất bằng gỗ	488.756	-18,3	2.525.441	-1,9	61,9	63,6
Đồ nội thất phòng khách, phòng ăn	159.406	-11,8	834.129	3,8	20,4	19,9
Ghế khung gỗ	134.148	-12,8	719.320	0,6	17,6	17,7
Đồ nội thất phòng ngủ	115.000	-36,6	617.068	-18,6	15,1	18,7
Đồ nội thất nhà bếp	56.688	11,7	229.935	57,1	5,6	3,6
Đồ nội thất văn phòng	23.514	-26,1	124.990	-16,4	3,1	3,7
Dăm gỗ	113.205	271,3	706.561	23,9	17,3	14,1
Gỗ, ván và ván sàn	106.625	-50,7	520.764	-7,4	12,8	13,9
Cửa gỗ	3.056	5,8	13.447	5,8	0,3	0,3
Đồ gỗ mỹ nghệ	3.385	-31,3	10.632	3,8	0,3	0,3
Khung gương	155	-91,1	1.190	-84,9	0,0	0,2
Loại khác	56.516	5,6	302.354	-1,6	7,4	7,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

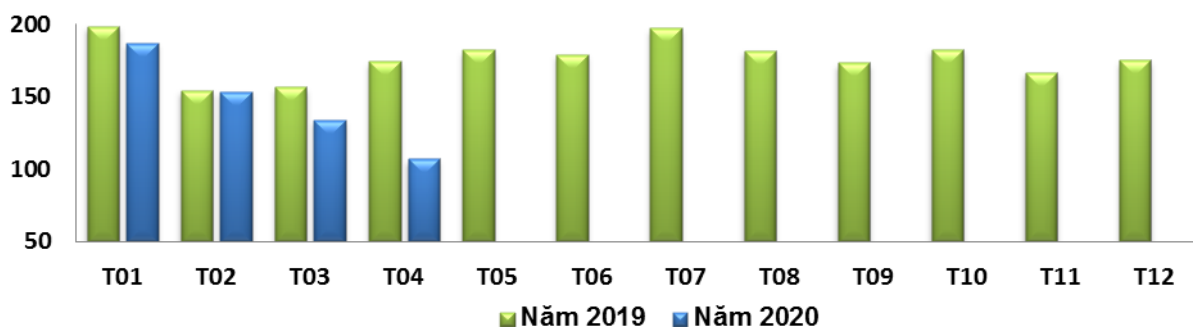
DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU ĐỒ NỘI THẤT BẰNG GỖ CỦA CA-NA-ĐA VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu từ Cơ quan thống kê Ca-na-đa, trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Ca-na-đa trong tháng 4/2020 đạt 107,1 triệu USD, giảm 38,5% so với tháng 4/2019. Lũy

kế từ đầu năm đến hết tháng 4/2020, trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Ca-na-đa đạt 581,1 triệu USD, giảm 14,9% so với cùng kỳ năm 2019.

Nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Ca-na-đa năm 2019 - 2020

(ĐVT: Triệu USD)



Thị trường nhập khẩu:

Trong 4 tháng đầu năm 2020, Ca-na-đa nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ chủ yếu từ ba thị trường chính là Trung Quốc, Hoa Kỳ và Việt Nam. Trị giá nhập khẩu từ ba thị trường này chiếm tới 68,1% tổng trị giá. Trong khi giảm tỷ trọng nhập khẩu từ hai thị trường cung cấp lớn nhất là Trung Quốc và Hoa Kỳ, Ca-na-đa tăng tỷ trọng nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2020 lên 16,1%, tăng 3,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2019.

Ca-na-đa nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2020 đạt 93,64 triệu USD, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2019. Dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, tuy nhiên nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Ca-na-đa từ Việt Nam vẫn tăng, cho thấy các sản phẩm của Việt Nam đã đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ tại thị trường này. Mặc dù tăng trong 4 tháng đầu năm 2020, nhưng tính riêng trong tháng 4/2020 nhập khẩu từ Việt Nam đạt 19,9 triệu

Nguồn: Cơ quan Thống kê Ca-na-đa

USD, giảm 7,9% so với cùng kỳ năm 2019 do ảnh hưởng của các biện pháp giãn cách xã hội.

Đáng chú ý, Chính phủ Ca-na-đa đang có nhu cầu đa dạng hóa thị trường, giảm phụ thuộc nhập khẩu từ Hoa Kỳ, và Việt Nam là một trong những quốc gia các doanh nghiệp Ca-na-đa quan tâm muốn đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu. Ca-na-đa là thị trường có khả năng chi trả cho các sản phẩm có giá trị cao và là cầu nối quan trọng để doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị trường sang các quốc gia châu Mỹ khác



Thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ cho Ca-na-đa tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2020

Thị trường	Tháng 4/2020 (Nghìn USD)	So với tháng 4/2019(%)	4 tháng năm 2020 (Nghìn USD)	So với 4 tháng năm 2019 (%)	Tỷ trọng 4 tháng (%)	
					Năm 2020	Năm 2019
Tổng	107.125	-38,5	581.127	-14,9	100,0	100,0
Trung Quốc	39.809	-28,2	186.738	-23,6	32,1	35,8
Hoa Kỳ	10.842	-72,8	115.551	-25,3	19,9	22,6
Việt Nam	19.900	-7,9	93.638	9,5	16,1	12,5
Ý	7.001	-25,3	38.333	1,5	6,6	5,5
Ma-lai-xi-a	6.588	11,9	26.770	10,8	4,6	3,5
Ba Lan	4.629	-54,8	26.692	-15,7	4,6	4,6
Mê-hi-cô	1.747	-43,8	12.464	-6,4	2,1	1,9
In-đô-nê-xi-a	2.365	-27,3	9.745	-3,4	1,7	1,5
Đức	1.760	-56,0	8.215	-26,0	1,4	1,6
Ấn Độ	1.789	-27,3	7.539	-4,4	1,3	1,2
Thị trường khác	10.694	-43,5	55.442	-11,7	9,5	9,2

Nguồn: Cơ quan Thống kê Ca-na-đa

Mặt hàng nhập khẩu

Trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu các chủng loại đồ nội thất bằng gỗ của Ca-na-đa đều giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2019.

Trong đó, nhập khẩu đồ nội thất văn phòng (mã HS 940330) của Ca-na-đa 4 tháng đầu năm 2020 đạt 37,1 triệu USD, giảm 24,9% so với cùng kỳ năm 2019. Ca-na-đa nhập khẩu đồ nội thất văn phòng chủ yếu từ thị trường Hoa Kỳ và Trung Quốc. Trị giá nhập khẩu từ hai thị trường này chiếm tới 56,5% tổng trị giá nhập khẩu đồ

nội thất văn phòng.

Dẫn đầu về trị giá nhập khẩu là mặt hàng ghế khung gỗ (mã HS 940161+ 940169), trong 4 tháng đầu năm 2020 đạt 220 triệu USD, giảm 17,7% so với cùng kỳ năm 2019. Đáng chú ý, Ca-na-đa giảm nhập khẩu ghế khung gỗ từ hai thị trường cung cấp lớn nhất là Trung Quốc và Hoa Kỳ, đạt 101,4 triệu USD và 55 triệu USD, giảm tương ứng 26,5% và 20,1% so với cùng kỳ năm 2019. Trong khi đó, Ca-na-đa tăng nhập khẩu từ Việt Nam đạt 29,2 triệu USD, tăng 23,6% so với cùng kỳ năm 2019.

Ca-na-đa nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2020

Mã HS	Tên hàng	Tháng 4/2020 (Nghìn USD)	So với tháng 4/2019 (%)	4 tháng năm 2020 (Nghìn USD)	So với 4 tháng năm 2019 (%)
Tổng		107.125	-38,5	581.127	-14,9
940161+ 940169	Ghế khung gỗ	40.445	-38,6	219.961	-17,7
940360	Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	32.095	-38,3	178.220	-11,8
940350	Đồ nội thất phòng ngủ	22.815	-33,4	107.077	-14,0
940340	Đồ nội thất nhà bếp	6.309	-38,9	38.732	-2,7
940330	Đồ nội thất văn phòng	5.461	-53,4	37.137	-24,9

Nguồn: Cơ quan Thống kê Ca-na-đa

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ GIAI ĐOẠN 2020 – 2030

Ngày 23/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 885/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 – 2030

Theo đó, mục tiêu đến năm 2025, diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ đạt khoảng 1,5 - 2% tổng diện tích đất nông nghiệp. Diện tích nuôi trồng thủy sản hữu cơ đạt khoảng 0,5-1,5% tổng diện tích nuôi trồng thủy sản, trong đó một số loài thủy sản đặc sản có giá trị kinh tế như: tôm nước lợ, tôm càng xanh, các loài thủy sản bản địa...

Đến năm 2030, diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ đạt khoảng 2,5 - 3%

tổng diện tích đất nông nghiệp. Diện tích nuôi trồng thủy sản hữu cơ đạt khoảng 1,5 - 3% tổng diện tích nuôi trồng thủy sản.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu ưu tiên phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung và các sản phẩm chủ lực như vùng trồng trọt hữu cơ, vùng chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản hữu cơ... đồng thời ưu tiên chế biến các sản phẩm hữu cơ, khuyến khích doanh nghiệp đưa sản phẩm hữu cơ vào hệ thống các siêu thị, cửa hàng tiện ích và chuỗi cung ứng sản phẩm an toàn.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/6/2020.

THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUY TẮC XUẤT XỨ HÀNG HÓA TRONG HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA VIỆT NAM VÀ LIÊN MINH CHÂU ÂU (EVFTA)

Ngày 15/6/2020, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 11/2020/TT-BCT quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA). Theo đó, Hàng hóa có xuất xứ Việt Nam nhập khẩu vào Liên minh châu Âu được hưởng ưu đãi thuế quan theo EVFTA khi có một trong những chứng từ chứng nhận xuất xứ sau:

a) C/O được phát hành theo quy định tại Điều 4 và từ Điều 20 đến Điều 23 Thông tư này.

b) Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ theo quy định tại Điều 25 Thông tư này phát hành bởi nhà xuất khẩu có lô hàng trị giá không quá 6.000 EUR.

c) Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ phát hành bởi nhà xuất khẩu đủ điều kiện hoặc nhà

xuất khẩu đăng ký tại cơ sở dữ liệu phù hợp quy định của Bộ Công Thương.

d) Việc tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa quy định tại điểm c khoản này thực hiện theo quy định của Bộ Công Thương và áp dụng sau khi Việt Nam thông báo tới Liên minh châu Âu.

Ngay khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực và đi vào thực thi, hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU sẽ được cấp C/O mẫu EUR.1 theo quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BCT và hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định EVFTA. Việc cấp C/O mẫu EUR.1 cho hàng hóa xuất khẩu đi EU theo EVFTA được thực hiện bởi các cơ quan, tổ chức cấp C/O ưu đãi do Bộ Công Thương ủy quyền.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2020.

BỘ CÔNG THƯƠNG TỔ CHỨC HỘI NGHỊ “HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN VÀO THỊ TRƯỜNG EU, THỰC THI HIỆU QUẢ HIỆP ĐỊNH EVFTA”



Vào ngày 12 tháng 02 năm 2020, Nghị viện châu Âu (EP) đã tiến hành bỏ phiếu phê chuẩn Hiệp định EVFTA với tỷ lệ 63,35% số phiếu tán thành. Ngày 30 tháng 3 năm 2020, Hội đồng châu Âu cũng đã phê duyệt Hiệp định EVFTA và đã gửi công hàm thông báo với Việt Nam vào ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc EU đã hoàn tất thủ tục pháp lý cuối cùng theo quy trình phê chuẩn nội bộ của mình. Về phía Việt Nam, Hiệp định EVFTA được Quốc hội bỏ phiếu phê chuẩn vào phiên họp sáng ngày 08 tháng 6 năm 2020 với tỷ lệ 100% số đại biểu có mặt. Hiệp định sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020.

Việt Nam là nước đang phát triển đầu tiên ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương có hiệp

định thương mại tự do với EU. Điều này vừa khẳng định vai trò vừa nâng cao vị thế địa - chính trị quan trọng của Việt Nam trong khu vực, cũng như trên trường quốc tế. Thông qua Hiệp định EVFTA, Việt Nam và EU thúc đẩy tự do hóa thương mại dựa trên các quy định minh bạch, công bằng sẽ gửi một tín hiệu tích cực đến cộng đồng quốc tế, tạo sự an tâm trong cộng đồng doanh nghiệp và từ đó góp phần thúc đẩy sự phục hồi kinh tế của hai bên, đặc biệt sau dịch bệnh Covid-19.

Việc kết thúc đàm phán thành công, từ đó tiến tới ký kết và phê chuẩn Hiệp định EVFTA là một chặng đường dài với sự nỗ lực rất cao của cả hai bên với mục tiêu nâng mối quan hệ thương mại song phương giữa Việt Nam

và Liên minh châu Âu lên một tầm cao mới nói riêng và thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam nói chung. Với Hiệp định EVFTA, sau khi được ký kết và có hiệu lực, nông, lâm, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sẽ có thể tiếp cận được một thị trường đầy tiềm năng với dân số hơn 500 triệu người và GDP đạt 15.000 tỷ USD.

EU27 là thị trường có kim ngạch nhập khẩu đứng thứ 2 thế giới, chiếm 14,9% tổng nhập khẩu toàn cầu. Mặc dù là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của nước ta, nhưng hàng hóa Việt Nam mới chiếm thị phần khoảng 2% trong tổng nhập khẩu của EU. Do vậy, hàng Việt Nam đang có cơ hội để tăng trưởng xuất khẩu sang thị trường này, đặc biệt là đối với nhóm hàng nông, lâm, thủy sản.

Hiệp định EVFTA có mức cam kết cao nhất mà một đối tác dành cho Việt Nam trong số các FTA đã được ký kết (99% dòng thuế nhập khẩu giữa hai bên được xóa bỏ trong vòng 7 - 10 năm), đặc biệt đối với một số mặt hàng nông sản mà ta có thể mạnh sản xuất và xuất khẩu như gạo, thủy sản, cà phê, rau quả, ca cao, dầu cọ...v.v... Việc ký kết và thực thi Hiệp định EVFTA không chỉ mang đến cơ hội về

tăng trưởng xuất khẩu, mà còn giúp cho ngành nông nghiệp nước ta đẩy mạnh công tác tái cơ cấu hướng sâu vào vấn đề nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, quy cách đóng gói..., góp phần đưa hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tham gia sâu hơn vào các chuỗi cung ứng toàn cầu.

Để kịp thời tận dụng cơ hội của thị trường EU nhằm thực thi hiệu quả Hiệp định EVFTA, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Hội nghị **“Hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu nông, lâm, thủy sản vào thị trường EU, thực thi hiệu quả Hiệp định EVFTA”** với mục tiêu:

Thứ nhất, phổ biến về một số nội dung của Hiệp định EVFTA liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp (thuế quan, kiểm dịch động thực vật, quản lý an toàn thực phẩm...) tới các địa phương, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp chế biến xuất khẩu và các cơ quan truyền thông báo chí để nắm bắt và có kế hoạch xuất khẩu phù hợp, đáp ứng đúng yêu cầu của thị trường EU.



Thứ hai, đề xuất cụ thể các giải pháp, biện pháp cũng như cách thức tiếp cận thị trường EU đối với từng ngành hàng trong nhóm nông, lâm, thủy sản nhằm đảm bảo thực thi hiệu quả Hiệp định EVFTA, khai thác được tối đa các ưu đãi từ Hiệp định (thuế quan, quy tắc xuất xứ..v.v..) và tận dụng được lợi thế sẵn có của ngành nông nghiệp nước ta.

Thứ ba, bàn cơ chế phối hợp giữa các đơn vị, cơ quan và tổ chức liên quan (Bộ, ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp, truyền thông báo chí) để đảm bảo công tác thông tin, truyền thông cũng như phát triển xuất khẩu sang thị trường EU một cách bền vững, phù hợp với năng lực cạnh tranh của từng ngành hàng nông, lâm, thủy sản trong bối cảnh hiện nay.

Hội nghị là nơi các Bộ, ngành, địa phương, Hiệp hội ngành hàng và các doanh nghiệp cùng nhau trao đổi, nhận diện về bối cảnh, những khó khăn, thách thức, cũng như tiềm năng, yêu cầu của thị trường EU để có các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tái cơ cấu sản xuất nông, lâm, thủy sản, tổ chức lại sản xuất phục vụ xuất khẩu, tăng cường công tác thông tin thị trường, cơ chế phối hợp giữa

các Bộ, ngành Trung ương với các địa phương, kể cả từ nơi sản xuất đến nơi xuất khẩu cũng như các chủ thể tham gia chuỗi giá trị hướng tới việc thâm nhập và phát triển xuất khẩu ổn định sang thị trường này.

Hội nghị thu hút sự tham gia của khoảng 300 - 350 đại biểu gồm đại diện Văn phòng Chính phủ, Ban Kinh tế Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban kinh tế của Quốc hội; Các Bộ, ngành: Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Hải quan, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; Các địa phương: Đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; Các Hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp thuộc lĩnh vực nông, lâm, thủy sản; Các cơ quan truyền thông, báo chí.

Tại Hội nghị, Ông Trần Thanh Hải, Phó Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cho biết, thị trường EU chiếm 14,9% tổng nhập khẩu toàn cầu. Về các sản phẩm



nông, lâm, thủy sản của Việt Nam, ông Hải cho biết: “Dù phải chịu thuế nhập khẩu, nhưng các sản phẩm này đã thâm nhập rất mạnh vào EU. Do đó, khi EVFTA có hiệu lực, với việc xóa bỏ ngay 85,6% số dòng thuế (cho hàng hóa nói chung nhập từ Việt Nam), cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu nông, lâm, thủy sản vào EU sẽ càng lớn hơn nữa”. Chẳng hạn, cà phê xuất khẩu sang EU đang phải chịu thuế 7,5-11,5%, nhưng đã đạt 1,09 tỷ USD năm 2019 (chiếm 37,9% giá trị xuất khẩu cà phê Việt Nam). Ngay sau khi EVFTA có hiệu lực, thuế nhập khẩu cà phê từ Việt Nam và EU sẽ được xóa bỏ hoàn toàn. Đây là cơ hội lớn để Việt Nam tăng sức cạnh tranh, đẩy mạnh xuất khẩu cà phê vào thị trường rất quan trọng này. Hay ngành thủy sản, hiện phần lớn thuế suất cơ sở nhập khẩu vào EU từ 6-22%. Sau khi EVFTA có hiệu lực, 50% số dòng thuế sẽ được cắt bỏ ngay, 50% dòng thuế còn lại xóa bỏ sau từ 3-7 năm... Đó là những điều kiện thuận lợi để Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản sang EU, nơi đang chiếm 11,3% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản nước ta... Với mặt hàng gạo, năm 2019, Việt Nam chỉ xuất khẩu được sang EU với giá trị khiêm tốn là 10,7 triệu USD, bởi thuế suất mà EU đang áp lên gạo nhập khẩu từ Việt Nam khá cao, cụ thể là thuế tuyệt đối 175 EUR/tấn với gạo xay xát, 65 EUR/tấn với gạo tấm, 211 EUR/tấn với lúa. Theo cam kết trong EVFTA, EU sẽ giành cho Việt Nam hạn ngạch 80.000 tấn gạo (thuế 0%) đối với gạo xay xát và gạo thơm, đồng thời xóa bỏ thuế đối với tấm trong 5 năm. Đây là cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu gạo sang EU trong thời gian tới, bởi khu vực này đang tiêu thụ khoảng 2,5 triệu tấn gạo/năm.

Bộ trưởng Bộ Công Thương Trần Tuấn Anh cho biết, đến nay, EU vẫn là thị trường có yêu cầu về hàng rào kỹ thuật rất cao, đặc biệt là về kiểm dịch động, thực vật; quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm; chống khai thác bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU); khai báo nguồn gốc gỗ hợp pháp... Do đó, việc thực thi Hiệp định EVFTA,

đối với các doanh nghiệp Việt Nam vẫn chỉ là sự tiếp nối trong quá trình tuân thủ các yêu cầu này từ phía EU. Hiệp định EVFTA thực sự sẽ là cơ hội vàng, tạo ra cú hích lớn cho xuất khẩu nông, lâm, thủy sản, đặc biệt với các sản phẩm có thể mạnh, có lợi thế cạnh tranh như thủy sản, rau quả, gạo, điều, cà phê, hồ tiêu, sản phẩm gỗ... Việc ký kết và thực thi Hiệp định EVFTA không chỉ mang đến cơ hội về tăng trưởng xuất khẩu mà còn giúp cho ngành nông nghiệp nước ta đẩy mạnh công tác tái cơ cấu hướng sâu vào vấn đề nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, quy cách đóng gói..., góp phần đưa hàng hóa nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tham gia sâu hơn vào các chuỗi cung ứng toàn cầu.

Bộ trưởng Trần Tuấn Anh cũng nhấn mạnh, ngoài việc tiếp tục duy trì và phát triển tại các thị trường truyền thống, việc ký kết Hiệp định EVFTA sẽ tạo cơ hội cho hàng hóa nông, lâm, thủy sản của ta thâm nhập, khai thác các thị trường mới, thị trường còn nhiều tiềm năng. Cụ thể thể hiện ở một số điểm sau: Tạo điều kiện cơ cấu lại sản xuất trong nước, thị trường xuất khẩu, nhập khẩu như: (i) Đa dạng hóa thị trường và mặt hàng xuất khẩu, giúp hàng hóa Việt Nam tham gia sâu hơn vào các chuỗi cung ứng toàn cầu; (ii) Nông sản Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu, giảm phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc và Đông Nam Á; (iii) Hiệp định EVFTA thúc đẩy tạo các mối quan hệ mới và thiết lập mạng lưới mới, tham gia chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu, đặc biệt là cơ hội hợp tác về vốn, chuyển giao công nghệ chế biến và phương thức quản lý hiện đại, hiệu quả hơn; Thúc đẩy đầu tư, tái cơ cấu nền kinh tế, qua đó tạo nguồn hàng nông, thủy sản có chất lượng cao cho xuất khẩu như: (i) Thúc đẩy cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; (ii) Thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài vào sản xuất các mặt hàng xuất khẩu để tận dụng cơ hội từ Hiệp định EVFTA; (iii) Là điểm trung chuyển, kết nối các hoạt động thương mại và đầu tư

của EU tại khu vực ASEAN..v.v...

Để hỗ trợ doanh nghiệp thực thi hiệu quả Hiệp định EVFTA, góp phần phát triển xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường EU, Bộ Công Thương đã và đang chủ động triển khai nhiều biện pháp, giải pháp và chương trình hành động cụ thể như: Về công tác nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển nguồn nhân lực: (i) Xây dựng kịch bản khai thác, phát triển thị trường, nghiên cứu, định hướng thiết lập các kênh phân phối hàng hóa của Việt Nam trên thị trường các nước thành viên EVFTA đối với mặt hàng xuất khẩu tiềm năng của Việt Nam; (ii) Nghiên cứu, xây dựng tài liệu hướng dẫn doanh nghiệp xuất khẩu vào thị trường EU cho các nhóm hàng trọng điểm mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh; (iii) Chú trọng truyền thông, quảng bá hình ảnh thương hiệu sản phẩm Việt Nam hướng tới thị trường EU, và chương trình quảng bá chỉ dẫn địa lý tại thị trường EU trong khuôn khổ Chương trình thương hiệu Quốc gia; (iv) Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức xúc tiến thương mại tham gia các sự kiện XTTM quy mô lớn tại thị trường EU trong khuôn khổ Chương trình cấp quốc gia về XTTM; (v) Hỗ trợ kỹ thuật và cung cấp các giải pháp phát triển bền vững cho doanh nghiệp hướng tới tiêu chí xanh nhằm tiếp cận thị trường, định vị sản phẩm trên thị trường quốc tế, phù hợp với xu hướng tiêu dùng thân thiện với môi trường của người tiêu dùng tại các nước EU; (vi) Hỗ trợ hướng dẫn doanh nghiệp Việt Nam cách xử lý và rà soát về mặt kỹ thuật khi có yêu cầu về kiểm tra, xác minh xuất xứ từ phía EU trong trường hợp cần thiết

để bảo vệ lợi ích chính đáng của doanh nghiệp Việt Nam; (vii) Tăng cường và đổi mới các hoạt động XTTM hỗ trợ doanh nghiệp có tiềm năng xuất khẩu; (viii) Tiếp tục nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ triển khai C/O nhằm tạo thuận lợi cho quá trình tận dụng ưu đãi của Hiệp định EVFTA; Về công tác tuyên truyền, phổ biến về Hiệp định EVFTA như: (i) Tổ chức các hội thảo giới thiệu, khóa tập huấn chuyên sâu về Hiệp định EVFTA tới các đối tượng thụ hưởng khác nhau đặc biệt là cộng đồng doanh nghiệp tại các cụm tỉnh, thành khác nhau trên cả nước; (ii) Tổ chức các hội thảo/diễn đàn doanh nghiệp tại EU để giới thiệu, phổ biến về Hiệp định và các cơ hội tiếp cận thị trường, cũng như kết nối xúc tiến thương mại và thu hút đầu tư của doanh nghiệp EU vào Việt Nam; (iii) Xây dựng cổng thông tin điện tử về FTA trong đó bao gồm Hiệp định EVFTA và CPTPP để doanh nghiệp có thể dễ dàng tra cứu một cách thuận tiện và nhanh chóng nhất cam kết mở cửa thị trường của các đối tác FTA dành cho hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam; (iv) Đổi mới phương thức truyền thông, đào tạo về Hiệp định thông qua thiết kế, tổ chức các chương trình tập huấn trực tuyến cho doanh nghiệp; (v) Xây dựng và duy trì chương trình truyền hình/truyền thanh chuyên sâu về Hiệp định EVFTA cho cộng đồng doanh nghiệp và người dân; (vi) Cung cấp thông tin trên cổng liên kết thông tin xúc tiến thương mại, và chuyên trang thương hiệu thực phẩm và nông sản Việt Nam (bao gồm cả nội dung tiếng Anh và tiếng Việt) nhằm đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước EU./.

Lưu ý:

Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường.

Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.